

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH,  
DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 20220**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022  
HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

**Chur Päh, 2022**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022  
HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

Ngày ... tháng ... năm 2022  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TỈNH GIA LAI**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 2022  
**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CHƯ PĂH**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **CÁC BẢNG BIỂU Ở TRONG THUYẾT MINH:**

Biểu 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....

Biểu 02: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án có thu hồi đất quan trọng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đã thực hiện trong năm kế hoạch 2021: .....

Biểu 03: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án có thu hồi đất quan trọng đang thực hiện trong năm kế hoạch 2021: .....

Biểu 04: Tổng hợp danh mục các công, dự án có thu hồi đất nhưng chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2021 .....

Biểu 05: Tổng hợp danh mục các công trình kêu gọi đầu tư chưa thực hiện trong năm 2021 .....

Biểu 06: Tổng hợp danh mục các công trình dự án khác chưa thực hiện trong năm 2021.

Biểu 07: Tổng hợp danh mục các công, dự án bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất do 3 năm không thực hiện: .....

Biểu 08: Danh mục các công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện (công trình chuyển tiếp 2022): .....

Biểu 09: Danh mục các công trình thu hút đầu tư chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022: .....

Biểu 10: Danh mục các công trình khác chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022: .....

Biểu 11: Danh mục các công trình đăng ký mới trong kế hoạch năm 2022 .....

Biểu 12: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã .....

Biểu 13: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã .....

Biểu 14: Kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng theo đơn vị hành chính cấp xã .....

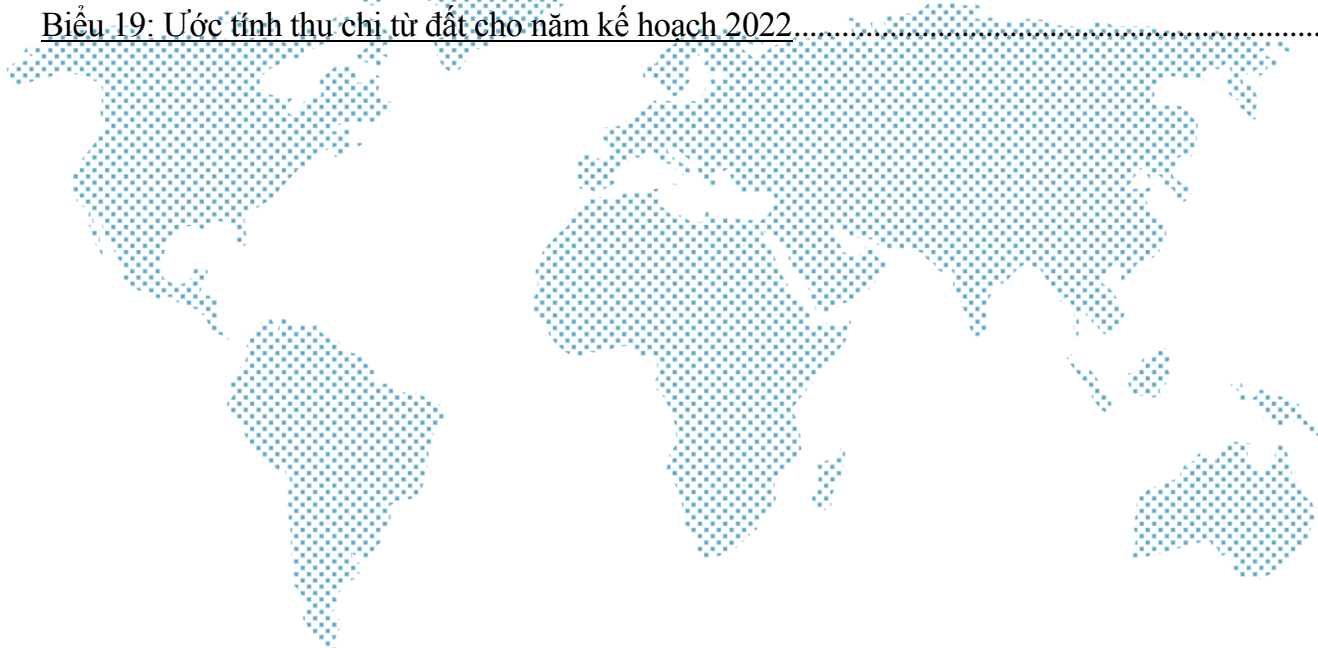
Biểu 15: Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 .....

Biểu 16: Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất theo năm 2022 .....

Biểu 17: Diện tích đất cần thu hồi năm 2022 .....

Biểu 18: Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2022 .....

Biểu 19: Ước tính thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2022 .....



## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

UBND	Ủy ban nhân dân
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
GCN QSDĐ	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
FAO	Tổ chức Nông lương thế giới
QH & TKNN	Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp
WRB	Phương pháp phân loại đất (World Reference Base)
ĐTQHR	Điều tra quy hoạch rừng
BCH	Ban chấp hành
XD NTM	Xây dựng Nông thôn mới
TH	Tiểu học
THCS	Trung học cơ sở
PTTH	Phổ thông trung học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
BCĐ	Ban chỉ đạo
TDTT	Thể dục thể thao
PT-TH	Phát thanh – Truyền hình
CP	Cổ phần
QH	Quy hoạch
KH	Kế hoạch
LRAMP	Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và Quản lý tài sản đường (Local Road Assets Management Project)
RPH	Rừng phòng hộ
PTNT	Phát triển nông thôn
BQL	Ban quản lý

# **MỤC LỤC BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

<i>CÁC BẢNG BIỂU Ở TRONG THUYẾT MINH:</i> .....	<i>iv</i>
<i>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</i> .....	<i>v</i>
<i>MỤC LỤC BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP</i> .....	<i>vi</i>
<i>ĐẶT VẤN ĐỀ</i> .....	<i>1</i>
<i>I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022</i> .....	<i>1</i>
<i>II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU</i> .....	<i>2</i>
<i>1. Mục đích</i> .....	<i>2</i>
<i>2. Yêu cầu</i> .....	<i>2</i>
<i>III. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH</i> .....	<i>3</i>
<i>1. Căn cứ pháp lý:</i> .....	<i>3</i>
<i>2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện:</i> .....	<i>3</i>
<i>IV. BỐ CỤC BÁO CÁO</i> .....	<i>4</i>
<i>PHẦN I</i> .....	<i>5</i>
<i>KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,</i> .....	<i>5</i>
<i>KINH TẾ-XÃ HỘI HUYỆN CHƯ PǎH NĂM 2021</i> .....	<i>5</i>
<i>I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN</i> .....	<i>5</i>
<i>1. Điều kiện tự nhiên:</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.1. Vị trí địa lý</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.2. Địa hình, địa mạo</i> .....	<i>5</i>
<i>Sơ đồ 02: Địa hình huyện Chư Pǎh</i> .....	<i>6</i>
<i>1.1.3. Khí hậu</i> .....	<i>6</i>
<i>Bảng 1: Diễn biến nhiệt độ trung bình hàng tháng huyện Chư Pǎh</i> .....	<i>7</i>
<i>Bảng 2: Nhiệt độ trung bình tháng giai đoạn 2000 – 2020 [4]</i> .....	<i>7</i>
<i>1.1.4. Thủy văn</i> .....	<i>8</i>
<i>Sơ đồ 04: Mạng lưới thủy văn huyện Chư Pǎh</i> .....	<i>9</i>
<i>1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên</i> .....	<i>10</i>
<i>1.2.1. Tài nguyên đất</i> .....	<i>10</i>
<i>Bảng 3: Phân loại đất huyện Chư Pǎh [7]</i> .....	<i>10</i>
<i>1.2.3. Tài nguyên rừng</i> .....	<i>17</i>
<i>1.2.4. Tài nguyên nước:</i> .....	<i>18</i>
<i>1.2.5. Tài nguyên khoáng sản</i> .....	<i>19</i>
<i>1.2.6. Tài nguyên nhân văn</i> .....	<i>20</i>
<i>1.2.7. Tài nguyên du lịch:</i> .....	<i>21</i>
<i>1.2.8. Tài nguyên năng lượng:</i> .....	<i>23</i>
<i>II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</i> .....	<i>24</i>
<i>KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2021</i> .....	<i>30</i>
<i>I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021</i>	

1. Về chỉ tiêu loại đất: .....	30
1.1. Đối với nhóm đất nông nghiệp: .....	31
1.3 Đối với đất chưa sử dụng: .....	36
Biểu 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....	36
Biểu 02: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án có thu hồi đất quan trọng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đã thực hiện trong năm kế hoạch 2021: .....	37
Biểu 03: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án có thu hồi đất quan trọng đang thực hiện trong năm kế hoạch 2021: .....	38
Biểu 04: Tổng hợp danh mục các công, dự án có thu hồi đất nhưng chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2021 .....	38
Biểu 05: Tổng hợp danh mục các công trình kêu gọi đầu tư chưa thực hiện trong năm 2021... ..	40
Biểu 06: Tổng hợp danh mục các công trình dự án khác chưa thực hiện trong năm 2021. ....	41
Biểu 07: Tổng hợp danh mục các công, dự án bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất do 3 năm không thực hiện:.....	41
2. Về tình hình thu, chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ năm 2021: .....	42
3. Về công bố kế hoạch sử dụng đất: .....	43
4. Về hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2021:.....	43
<b>II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN CỦA CÁC TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 .....</b>	<b>44</b>
1. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....	44
2. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2021 .....	44
<b>PHẦN III .....</b>	<b>46</b>
<b>LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 .....</b>	<b>46</b>
<b>I. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC.....</b>	<b>46</b>
1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	46
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	46
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất .....	46
Biểu 08: Danh mục các công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện (công trình chuyển tiếp 2022): .....	46
Biểu 09: Danh mục các công trình thu hút đầu tư chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022: .....	47
Biểu 10: Danh mục các công trình khác chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022:.....	48
2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2022 .....	48
Biểu 11: Danh mục các công trình đăng ký mới trong kế hoạch năm 2022 .....	48
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	49
3.1. Nhóm đất nông nghiệp:.....	49
Biểu 12: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã.....	49
2.1.1.Chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa: .....	50
2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác: .....	50

2.1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm: .....	50
2.1.4. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ: .....	51
2.1.5. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất: .....	51
2.1.6. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản: .....	51
2.1.7. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác: .....	51
2.2. Nhóm đất phi nông nghiệp.....	52
<i>Biểu 13: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã.....</i>	<i>52</i>
2.2.1. Đất quốc phòng: .....	52
2.2.2. Đất an ninh: .....	52
2.2.3. Đất cụm công nghiệp: .....	53
2.2.4. Đất thương mại dịch vụ: .....	53
2.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: .....	53
2.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: .....	53
2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm: .....	54
2.2.8. Đất phát triển hạ tầng cấp các cấp: .....	54
2.2.9. Đất danh lam thắng cảnh .....	56
2.2.10. Đất sinh hoạt cộng đồng: .....	57
2.2.11. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng .....	57
2.2.12. Đất ở tại nông thôn: .....	57
2.2.13. Đất ở tại đô thị: .....	57
2.2.14. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: .....	58
2.2.15. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: .....	58
2.2.16. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: .....	58
2.2.17. Đất có mặt nước chuyên dùng: .....	58
2.3. Nhóm đất chưa sử dụng.....	58
<i>Biểu 14: Kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng theo đơn vị hành chính cấp xã .....</i>	<i>59</i>
2. Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 .....	59
<i>Biểu 15: Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 .....</i>	<i>59</i>
<b>II. DIỆN TÍCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>61</b>
1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp .....	61
<i>Biểu 16: Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất theo năm 2022.....</i>	<i>62</i>
<b>III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI.....</b>	<b>62</b>
<i>Biểu 17: Diện tích đất cần thu hồi năm 2022 .....</i>	<i>62</i>
<b>IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG.....</b>	<b>63</b>
<i>Biểu 18: Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2022 .....</i>	<i>63</i>
<b>V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022: .....</b>	<b>64</b>
<b>VI. KHÁI TOÁN THU CHI TỪ ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2022 .....</b>	<b>65</b>
1. Căn cứ pháp lý hình thành các nguồn thu, chi tài chính từ đất: .....	65
2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai: .....	65



3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	66
3.1 Phương pháp tính:.....	66
3.2 Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2022.....	66
Biểu 19: Ước tính thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2022 .....	66
<b>GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	68
<b>I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> .....	68
1. Thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường.....	68
2. Quản lý và bảo vệ môi trường .....	68
<b>II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2022</b> .....	68
1. Các giải pháp về tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....	68
2. Trách nhiệm UBND huyện Chư Păh trong việc quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất 68	
<b>I. KẾT LUẬN</b> .....	70
<b>II. KIẾN NGHỊ</b> .....	70
<b>CÁC BẢNG BIỂU Ở PHẦN PHỤ LỤC</b> .....	71



## ĐẶT VẤN ĐỀ

### I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Mục 4 quy định "*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai*" và tại Điều 45 Khoản 3 Luật Đất đai 2013 (*đã được sửa đổi đã được sửa đổi tại Điều 6, Luật bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch*) quy định "*Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện*".

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, trong sự phát triển hài hoà, cân đối của từng địa phương và của đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ đất đai theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm là một nội dung mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh tổ chức triển khai lập "***Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Chư Păh***" để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh được lập thành 5 bộ hồ sơ (in trên giấy và dạng số), mỗi bộ gồm có:

- 1- Tờ trình đề nghị phê duyệt của UBND huyện Chư Păh;
- 2- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư và Bảng biểu kèm theo;
- 3- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh.



- 4- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tỷ lệ 1/25.000;
- 5- Bản đồ và báo cáo chuyên đề;
- 6- Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2021;
- 7- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong năm 2022;
- 8- Bản đồ khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022;
- 9- Đĩa CD ghi số liệu Kế hoạch sử dụng đất năm 2022;

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất huyện Chư Păh được giao nộp và lưu trữ, công bố tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bộ);
- Sở Tài nguyên, Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chư Păh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử (Website) của UBND huyện Chư Păh, địa chỉ: [Chupah.gialai.gov.vn](http://Chupah.gialai.gov.vn).

## II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện.
- Cụ thể hoá các chỉ tiêu của quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Chư Păh; bố trí đất đai phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tỉnh Gia Lai và thể hiện nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, các xã, thị trấn trên địa bàn.
- Quản lý chặt chẽ đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn huyện;
- Làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở, nhận chuyển quyền sử dụng đất... trong năm 2022.

### 2. Yêu cầu

- Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch 2022;



- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tỷ lệ 1/25.000 cấp huyện và các bản đồ chuyên đề.

### **III. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH**

#### **1. Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 148/2020/NĐ-Cp ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT- BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc “Ban hành định mức kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

#### **2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện:**

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/ 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;



- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 20/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 24/05/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030;
- Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 24/05/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030;
- Dự thảo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện đã được Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số 4602/TTr-STNMT ngày 02/11/2021 và tình hình, nhu cầu thực tế trên địa bàn huyện;
- Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Chư Păh lần thứ VI, nhiệm kỳ 2021 - 2025;
- Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 huyện Chư Păh;
- Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển dịch vụ Du lịch trên địa bàn huyện Chư Păh, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Số liệu thống kê đất đai huyện Chư Păh năm 2021;
- Quy hoạch và định hướng phát triển của các ngành, các lĩnh vực;
- Các quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới;
- Các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn huyện đến năm 2030 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **IV. BỐ CỤC BÁO CÁO**

Bố cục của báo cáo thuyết minh bao gồm các phần sau:

Đặt vấn đề

Phần I: Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội huyện Chư Păh.

Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất;

Kết luận và kiến nghị.

# PHẦN I

## KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ-XÃ HỘI HUYỆN CHƯ PĂH NĂM 2021.

### I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

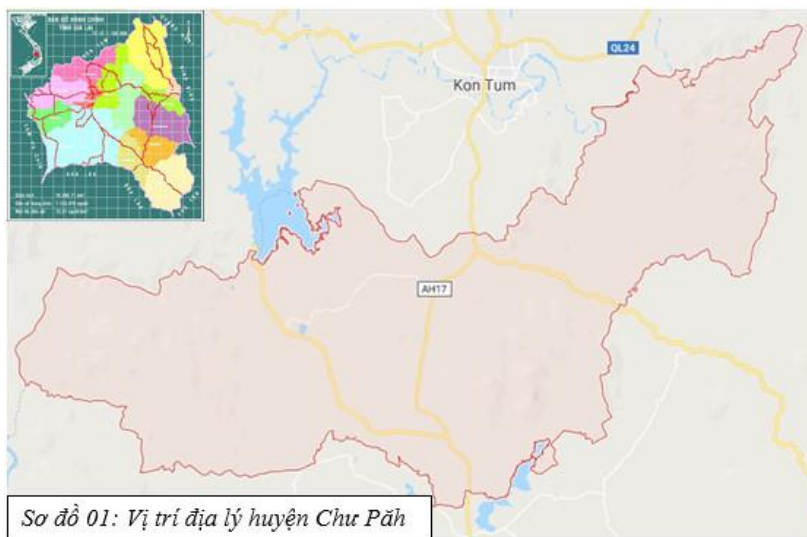
#### 1. Điều kiện tự nhiên:

##### 1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Chư Păh nằm ở phía bắc Tây Nguyên, trong vùng tam giác tăng trưởng các tỉnh lân cận cũng như các quốc gia láng giềng như Campuchia, Lào. Huyện có vị thế địa - chính trị, địa - kinh tế khá đặc biệt khi chỉ cách trung tâm tỉnh lỵ Gia Lai (thành phố Pleiku) 16 km, cách trung tâm tỉnh lỵ Kon Tum 25 km - là cửa ngõ quan trọng thuộc hành lang kinh tế phía Bắc của tỉnh Gia Lai và thành phố Pleiku (và còn đặc biệt hơn khi Pleiku trở thành thành phố động lực, đặc biệt quan trọng của khu vực tam giác Đông Dương theo Quyết định của Chính phủ). Huyện nằm trên trục giao thông quốc lộ 14 xuyên suốt từ Bắc xuống Nam và nối thông suốt cả nước, gần ngã ba Đông Dương, nằm trên cung đường Hồ Chí Minh, đường tỉnh 661 về hướng Tây và đường Quốc lộ 19D về hướng Đông. Đây là những điều kiện quan trọng, là lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội với vùng Duyên hải Trung Trung Bộ và cả nước.

Ranh giới hành chính giáp tỉnh Kon Tum ở phía Bắc và phía Tây; huyện Đăk Đoa ở phía Đông; huyện Ia Grai ở phía Tây; giáp thành phố Pleiku và huyện Ia Grai ở phía Nam.

Toàn huyện có quy mô diện tích 97.221,37 ha [1] với 14 xã, thị trấn gồm: Thị trấn Phú Hòa, Thị trấn Ia Ly, xã Chư Đang Ya, xã Nghĩa Hưng, xã Nghĩa Hòa, xã Ia Ka, xã Ia Nhin, xã Ia Mơ Nông, xã Ia Kreng, xã Ia Phí, xã Hòa Phú, xã Ia Khuol, xã Đăk Tô Ve, xã Hà Tây.



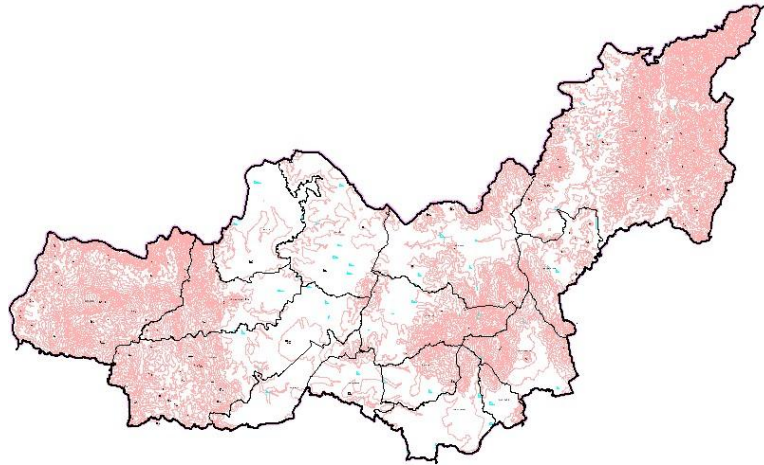
##### 1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Chư Păh tương đối đơn giản, phần lớn bằng phẳng, thuận lợi cho sản xuất nông lâm nghiệp và chăn nuôi. Có thể chia thành các dạng sau:

**Địa hình núi thấp:** Phân bố ở vùng phía Tây và Đông Bắc, diện tích 63.143,68 ha chiếm 64,79% diện tích tự nhiên. Độ cao tuyệt đối trung bình từ 800-900m. Rải rác có các đỉnh núi cao như đỉnh Chư Păh ở Ia Kreng (1.482 m), đỉnh Chư Toi Iep (1.319,90m),

đỉnh Chư tacom ở Ia Ka (1.266m), đỉnh Kon su rum ở Hà Tây (1.285m),... thấp nhất là 356m (phía nam làng Díp, Ia Kreng) ở khu vực chân núi tiếp giáp với sông Sê San. Địa hình thuộc kiểu núi thấp khối tảng trên nền đá xâm nhập và phun trào. Mức độ chia cắt sâu trung bình 180-250m, chia cắt ngang 0,35-0,55 km/km<sup>2</sup>, độ dốc >250. Loại đất chủ yếu là đất xám tầng mỏng 30 - 50 cm. Thảm thực vật kém phát triển, chủ yếu là rừng thưa nửa rụng lá hơi khô, trữ lượng và chất gỗ thấp.

Cấu trúc địa hình theo dạng đôi lượn sóng, rộng, chạy dài theo hướng Bắc ở vùng phía Tây và hướng Đông Nam ở vùng phía Đông Bắc. Có xu hướng thoải dần về vùng trung tâm và hơi dốc đột ngột ở hai bên khe suối nên hướng sử dụng đối với khu vực này chủ yếu khoanh nuôi rừng tự nhiên là chính, còn khai thác chỉ nên khai thác phương pháp tuyển chọn khi có nhu cầu thật cần thiết.



Sơ đồ 02: Địa hình huyện Chư Păh

**Địa hình gò đồi:** Phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm và phía Bắc huyện, diện tích 34.314 ha chiếm 35,21% diện tích tự nhiên. Độ cao trung bình từ 380-500m, cao nhất là đỉnh Chư pato ở Ia Ka (703m). Độ dốc bình quân 3-150, mức độ chia cắt nhẹ. Địa hình đôi lượn sóng dạng bậc thềm. Hướng sử dụng của vùng này là khoanh nuôi bảo vệ rừng ở những khu vực còn rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm và là vùng sản xuất lương thực chính của huyện.

### 1.1.3. Khí hậu

Huyện nằm trong Tiểu vùng 5 thuộc phạm vi huyện Chư Păh, một phần phía Bắc của các huyện Ia Grai, Đak Đoa, Mang Yang (số liệu khí tượng đo tại trạm Ialy) với đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa hè, thời kì khô từ 3,1 đến 4,0 tháng và mang tính chất khí hậu vùng Tây Nguyên. Hàng năm khí hậu chia 2 mùa rõ rệt [2]: Mùa mưa và mùa khô với các thông số khí hậu như sau:

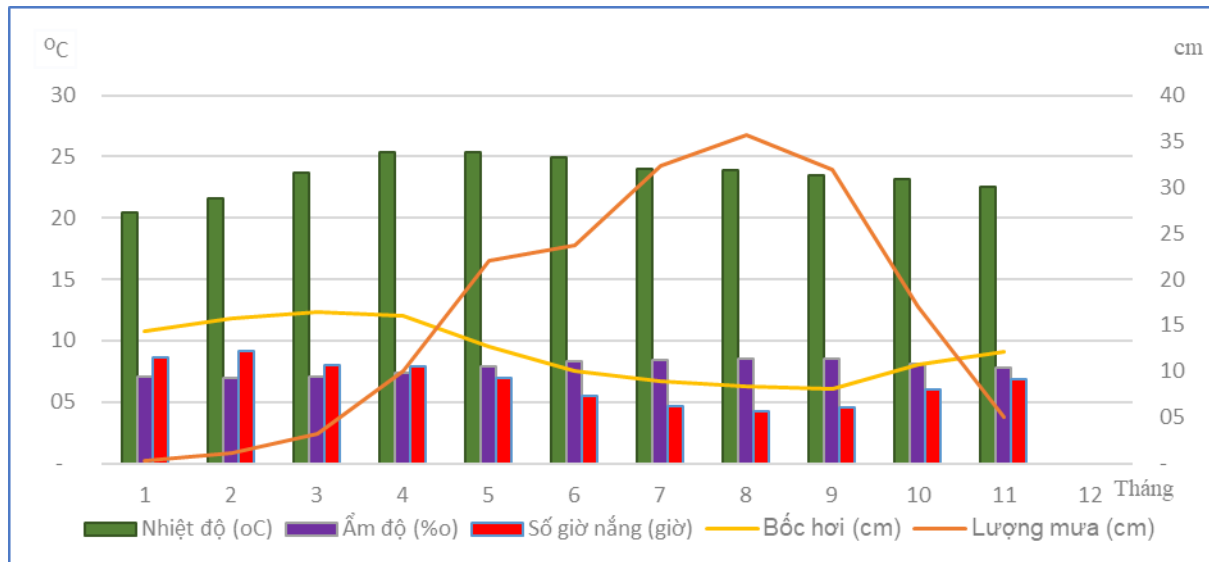
Sơ đồ 03: Bản đồ phân vùng khí hậu tỉnh Gia Lai (biên tập từ lớp thông tin về phân vùng ảnh hưởng khí hậu theo các trạm đo mưa và



được thu nhỏ từ tỷ lệ 1/100.000) [3]

**Nhiệt độ:** Trung bình năm giai đoạn 2001 - 2016 là  $23,3^{\circ}\text{C}$  (có 3 tháng lạnh nhiệt độ trung bình dưới  $21^{\circ}\text{C}$ ). Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất khoảng  $5 - 6^{\circ}\text{C}$ , tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 4, thấp nhất là tháng 12. Lượng bức xạ dồi dào (trung bình khoảng  $140 \text{ Kcal/cm}^2/\text{năm}$ ) nhưng có sự khác biệt theo mùa. Mùa khô có bức xạ mặt trời cao, thời kỳ có bức xạ cao vào tháng 4 và 5 (đạt  $400 - 500 \text{ cal/cm}^2/\text{ngày}$ ). Mùa mưa có bức xạ mặt trời thấp hơn, cường độ bức xạ cao nhất đạt  $300 - 400 \text{ cal/cm}^2/\text{ngày}$ .

Bảng 1: Diễn biến nhiệt độ trung bình hàng tháng huyện Chư Păh



Bảng 2: Nhiệt độ trung bình tháng giai đoạn 2000 – 2020 [4]

Tiểu vùng khí hậu	Các tháng trong năm												TB năm
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Nhiệt độ ( $^{\circ}\text{C}$ )	20,4	21,6	23,7	25,3	25,4	24,9	24	23,9	23,5	23,2	22,5	21,1	23,3
Lượng mưa (mm)	2,4	10,6	31,8	100,1	220,8	236,5	323,9	357,2	319,2	170,6	50,6	10,5	1.834,2
Độ ẩm (%)	71,1	69,7	71,1	73,5	79,1	83,1	84,4	85,5	85,7	80,7	77,7	74,0	78,0
Bốc hơi (mm)	107,2	118,4	123,4	120,7	95,6	75,7	67,4	62,4	60,5	80,7	90,6	99,5	1.102,1
Tốc độ gió (m/s)	2	2	2	2	2	3	4	3	2	2	3	3	3
Số giờ nắng	8,63	9,12	8,02	7,85	6,97	5,49	4,71	4,22	4,52	5,99	6,90	8,16	6,72

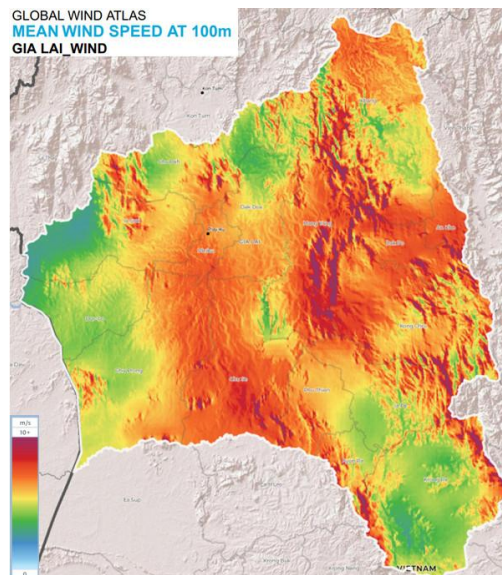
**Độ ẩm:** Độ ẩm trung bình năm đứng thứ tư so với 5 tiểu vùng và bằng với tiểu vùng 3, độ ẩm tương đối của không khí ít biến đổi giữa các vùng và dao động không nhiều giữa các tháng trong năm, độ ẩm không khí trung bình hàng năm giai đoạn 2001 - 2016 là 78,0%. Độ ẩm không khí trung bình của các tháng mùa mưa thường cao hơn so với các tháng mùa khô. Độ ẩm không khí cao nhất có thể đạt trên 90% (tháng 7, 8), thấp nhất



khoảng 65% (tháng 3, 4)

*Lượng mưa:* Tổng lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.834,2 mm, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kéo dài đến tháng 11, lượng mưa thường chiếm 90% tổng lượng mưa hàng năm. Ngược lại với quy luật phân bố lượng mưa theo thời gian, lượng bốc hơi tăng trong các tháng mùa khô và giảm vào các tháng mùa mưa. Vào các tháng mùa khô do lượng bốc hơi vượt xa lượng mưa đã làm cho đất đai khô kiệt, cây cỏ héo úa, thời tiết nóng bức, mực nước ngầm tụt sâu...

*Chế độ gió:* Hướng gió thịnh hành thay đổi theo mùa. Chế độ gió mang sắc thái của gió mùa khu vực Đông Nam Á rõ rệt. Mùa đông hướng gió chiếm ưu thế là hướng Đông Bắc với tần suất xấp xỉ 70%. Mùa hè, gió thịnh hành có hướng gần như đối lập với hướng gió mùa đông trong đó hướng Tây và Tây Nam chiếm ưu thế tuyệt đối xấp xỉ 90%. Tốc độ gió trung bình là 3 m/s và ít thay đổi qua các tháng, các mùa song có sự khác nhau giữa các vùng do ảnh hưởng của địa hình [5]. Ở những vùng thung lũng thấp và kín gió, tốc độ gió nhỏ hơn ở các vùng cao nguyên thoáng gió.



*Số giờ nắng:* Số giờ nắng trung bình ngày 6,72 giờ [6].

Sơ đồ 04: Bản đồ tốc độ gió trung bình tỉnh Gia Lai [6]

#### 1.1.4. Thủy văn

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện có mật độ không cao song phân bố tương đối đều trên toàn vùng từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây, với các hệ sông suối lớn như sau:

*Hệ thống sông Sê San:* Sông Sê San là một trong các nhánh lớn của lưu vực sông Mê Kông, bắt nguồn từ vùng núi cao Ngọc Linh thuộc tỉnh Kon Tum. Trên lãnh thổ Việt Nam, lưu vực sông Sê San chiếm 46,3% diện tích tự nhiên của 2 tỉnh Kon Tum và Gia Lai, trong đó tỉnh Gia Lai chiếm 20,63% diện tích tự nhiên, trên địa bàn các huyện Kbang, Đak Đoa, Chư Păh, Ia Grai, Đứơc Cơ và thành phố Pleiku.

Sông Sê San có 2 nhánh chính là sông Pô Kô và sông Đak Bla. Sông Đak Bla là nhánh trái của sông Sê San có diện tích lưu vực 3.507 km<sup>2</sup>, chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam và hợp với sông Sê San cách đập thủy điện Ialy 16 km về phía thượng lưu. Từ phân trung lưu đến chỗ hợp lưu sông Pô Kô, sông chảy trên cao nguyên Kon Tum với độ dốc khoảng 1,3‰, lòng sông uốn khúc nhiều ghềnh, thung lũng có nhiều lòng sông cỏ và bãi bồi, mang nét điển hình của sông đồng bằng. Trong mùa kiệt, tốc độ dòng chảy của sông vào khoảng 0,2 - 0,5 m/s, độ rộng lòng sông từ 15 - 20 m; trong mùa lũ, tốc độ dòng chảy lên đến 1,5 - 3,0 m/s, độ rộng lòng sông từ 100 - 200 m; những năm lũ lớn, mặt nước sông rộng đến trên 400 m. Độ cao thượng nguồn của sông là 1.650 m, tại vị trí

nhập lưu vào sông Sê San là 1.100 m. Đổ vào sông Đak Bla có 18 nhánh sông suối chính, có chiều dài từ 10 - 70 km. Mật độ lưới sông Đak Bla là 0,49 km/km<sup>2</sup>, độ dốc lòng sông là 4,0‰.

Sông Đak Bla nhập lưu với sông Pô Kô tại sông Sê San nay là khu vực lòng hồ Ialy. Trước khi chảy vào hồ thủy điện Ialy, sông Đak Bla có trạm thủy văn Kon Tum không chế diện tích lưu vực 3.060 km<sup>2</sup>, lưu vực trung bình năm là 98,1 m<sup>3</sup>/s; modun dòng chảy năm là 33l/s/km<sup>2</sup>. Sông Sê San đến trạm Sa Bình có diện tích lưu vực 6.732 km<sup>2</sup>, lưu lượng trung bình năm 240 m<sup>3</sup>/s; modun dòng chảy năm là 35,6 l/s/km<sup>2</sup>. Đến đập thủy điện Ialy, sông Sê San có diện tích lưu vực 7.455 km<sup>2</sup>, lưu lượng trung bình năm 265 m<sup>3</sup>/s, modun dòng chảy năm là 35,6l/s/km<sup>2</sup>. Sau nhập của các suối nhỏ như Ia Grai, Ia Sơ, sông Sa Thầy... đến biên giới Campuchia, lưu vực Sê San có diện tích là 14.450 km<sup>2</sup>, lưu lượng trung bình năm 408 m<sup>3</sup>/s; modun dòng chảy năm là 35,6l/s/km<sup>2</sup>.

Ngoài ra, trên lưu vực sông Sê San có nhánh sông Ia Krom, bắt nguồn từ xã Ia Bông, huyện Đak Đoachảy theo hướng Bắc Nam qua xã An Phú (thành phố Pleiku), Hà Bàu, Nam Yang, Đăk Rông, Đăk Sơ Nei (huyện Đak Đoa) sang xã Đăk Tơ Ver, Hà Tây (huyện Chư Păh) chảy vào sông Đak Bla bên bờ trái (thuộc xã Hà Tây, huyện Chư Păh). Diện tích lưu vực 1.134 km<sup>2</sup>, chiều dài sông 33,5 km, độ dốc lưu vực bình quân 2,7‰, độ dốc lòng sông bình quân 2,3‰, độ rộng bình quân lưu vực xấp xỉ 34 km, lượng mưa bình quân trung bình nhiều năm của lưu vực xấp xỉ 1926 mm, lưu lượng: 34,0m<sup>3</sup>/s, modun dòng chảy: 30,0 l/s/km<sup>2</sup>, độ sâu dòng chảy: 945 mm, hệ số dòng chảy là 0,49.

*Hệ thống các hồ nước thủy điện và thủy lợi:*

Bên cạnh hệ thống sông suối khá phong phú, trên địa bàn huyện còn có rất nhiều hồ nước tự nhiên và nhân tạo như: Hồ thủy lợi Ia Nâm (một nhánh của Biển Hồ tại xã Chư Đang Ya, Nghĩa Hưng); Ia Grak, Ia Bót (xã Ia Phí), hồ Ia Mơ Nông (xã Ia Mơ Nông), hồ thủy lợi Tân Sơn (xã Nghĩa Hưng),...; Hồ thủy điện Ia Ly, Ry Ninh I, Ry Ninh II, Sê San 3, Sê San 3A, Đăk Pơ Tăng,...



Sơ đồ 04: Mạng lưới thủy văn huyện Chư Păh

Các hồ này có ý nghĩa rất lớn trong sản xuất nông nghiệp cũng như đời sống, vừa là nơi dự trữ nước trong mùa khô vừa có chức năng sinh thái và cảnh quan trong vùng, một số hồ còn có ý nghĩa trong du lịch (hồ Ia Ly).



## 1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

### 1.2.1. Tài nguyên đất

Kết quả điều tra đánh giá đất đai theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai cho thấy, trên địa bàn huyện có 05 nhóm đất với 11 loại đất, cụ thể như sau:

Bảng 3: Phân loại đất huyện Chư Păh [7]

STT	Tên đất	Ký hiệu	Huyện Chư Păh	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Nhóm đất phù sa</b>		<b>2.156</b>	<b>2,22</b>
1	Đất phù sa ngòi suối	Py	2.156	2,22
<b>II</b>	<b>Nhóm đất đen</b>		<b>91</b>	<b>0,09</b>
2	Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bột và bazan	Ru	91	0,09
<b>III</b>	<b>Nhóm đất đỏ vàng</b>		<b>74.061</b>	<b>76,18</b>
3	Đất vàng đỏ trên đá macma axit	Fa	46.288	47,61
4	Đất nâu đỏ trên đá bazan	Fk	17.134	17,62
5	Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước	Fl	919	0,95
6	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	352	0,36
7	Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Fs	4.168	4,29
8	Đất nâu tím trên đá bazan	Ft	3.348	3,44
9	Đất nâu vàng trên đá bazan	Fu	1.852	1,90
<b>IV</b>	<b>Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi</b>	<b>H</b>	<b>10.102</b>	<b>10,39</b>
10	Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit	Ha	10.102	10,39
<b>V</b>	<b>Nhóm đất xám bạc màu</b>		<b>4.862</b>	<b>5,00</b>
11	Đất xám trên đá macma axit	Xa	4.862	5,00
	<b>Tổng diện tích điều tra</b>		<b>91.272</b>	<b>93,88</b>
	<b>Diện tích không điều tra</b>		<b>5.949</b>	<b>6,12</b>
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>97.221</b>	<b>100,00</b>

a) Đất phù sa ngòi suối (Py):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 2.156 ha. Đất phù sa suối do được hình thành từ phù sa của các dòng suối hẹp, dốc, có dòng chảy mạnh. Vì vậy, đáng đất thường là các dải đất rất hẹp, cao thoát nước và được bồi đắp phù sa hàng năm.

\* *Đặc điểm hình thái:* Đất phù sa ngòi suối do được hình thành từ phù sa của các dòng suối hẹp, dốc nên hình thái phẫu diện chưa phân hoá. Phần lớn đất có tầng dày > 100 cm (tầng 1 có độ dày khoảng 20 cm, tầng 2 khoảng 45 cm, tầng 3 khoảng 55 cm); tầng mặt thường có màu nâu đỏ đậm, các tầng dưới có màu nâu nhạt đến xám đen, đất có cấu trúc cục tảng, chặt, ít tơi xốp, không có rễ cây; hàm lượng cấp hạt cát ở tầng mặt



và tầng 2 cao, cấp hạt sét có xu hướng tăng dần theo chiều sâu của phẫu diện; chuyển lớp từ tầng 1 sang tầng 2 từ từ về màu sắc, từ tầng 2 sang tầng 3 rõ ràng về màu sắc.

\* *Tính chất của đất*: Dung trọng biến động từ đất giàu dinh dưỡng đến đất bị nén, từ  $0,54 \text{ g/cm}^3$  đến  $1,61 \text{ g/cm}^3$ , trung bình là  $1,09 \text{ g/cm}^3$ ; Độ chua ( $\text{pH}_{\text{KCl}}$ ) từ 3,35 đến 5,88, trung bình là 4,35; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) dao động từ 0,37% đến 12,48%, trung bình là 2,81%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) dao động từ 0,02% đến 0,45%; Hàm lượng Phốtpho tổng số ( $\text{P}_2\text{O}_5\%$ ) từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,02% đến 0,50%, trung bình là 0,19%; Hàm lượng Kali tổng số ( $\text{K}_2\text{O}\%$ ) từ mức nghèo đến mức giàu, từ 0,02% đến 2,77%, trung bình là 0,37%; Dung tích hấp thu (CEC -  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất) từ 0,40  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất đến 26,08  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất, trung bình là 12,21  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất; Thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, tỷ lệ cát dao động từ 15,80% đến 92,72%, tỷ lệ sét dao động từ 2,90% đến 67,10% và limon dao động từ 3,38% đến 43,50%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng*: Hiện nay, đất phù sa ngòi suối sử dụng chính cho việc trồng hoa màu, một số diện tích còn bỏ hoang. Trong tương lai nên tận dụng khai thác đất này cho việc sản xuất nông nghiệp, trong đó chủ yếu là trồng hoa màu như bắp, rau, đậu đỗ; những nơi nào có khả năng cung cấp nước tưới có thể trồng lúa nước 2 vụ.

b) Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và bazan (Ru):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh*: Diện tích 91 ha.

\* *Đặc điểm hình thái*: Hình thái phẫu diện thường có 3 tầng (tầng 1 có độ dày khoảng 22 cm, tầng 2 khoảng 48 cm và tầng 3 khoảng 40 cm); tầng mặt thường có màu nâu đậm, các tầng dưới có màu nâu nhạt đến đỏ vàng; đất khô, hơi xốp ở tầng mặt, hơi ẩm, khá chặt ở các tầng dưới; đất có cấu trúc rời rạc, có chất lẫn (khoảng 10 - 15%) ở độ sâu > 70 cm; đất thường có thành phần cơ giới nhẹ hoặc trung bình, tỷ lệ cát trong đất chiếm đa số và có xu hướng giảm dần theo chiều sâu của phẫu diện, tỷ lệ sét trong đất tăng dần theo chiều sâu; chuyển lớp rõ ràng về màu sắc giữa các tầng đất.

\* *Tính chất của đất*: Dung trọng dao động từ  $0,62 \text{ g/cm}^3$  đến  $1,60 \text{ g/cm}^3$ , trung bình là  $1,17 \text{ g/cm}^3$ ; Độ chua ( $\text{pH}_{\text{KCl}}$ ) biến động từ rất chua đến trung tính, dao động từ 3,70 đến 6,37, trung bình là 4,67; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 1,19% đến 9,17%, trung bình là 3,48%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,04% đến 0,40%, trung bình là 0,19%; Hàm lượng Phốtpho tổng số ( $\text{P}_2\text{O}_5\%$ ) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,01% đến 0,69%, trung bình là 0,23%; Hàm lượng Kali tổng số ( $\text{K}_2\text{O}\%$ ) từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,02% đến 2,12%, trung bình là 0,24%; Dung tích hấp thu (CEC -  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất) của đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và bazan biến động từ mức thấp đến mức cao, dao động từ 5,88  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất đến 35,0  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất, trung bình là 16,14  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất; Thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát dao động từ 12,30% - 82,92%; sét từ 5,02% - 64,95% và limon từ 8,16% - 38,20%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng*: Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và bazan phân bố ở địa hình cao, thoát nước tốt, tầng đất mỏng, nhiều đá lẫn và đá lộ đầu. Các đơn vị đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và bazan có thể sử dụng gieo trồng nhiều loại



cây nông nghiệp dài ngày như cây ăn trái, các cây màu ngắn ngày như ngô, đậu đỗ, các loại rau, hành, tỏi... Tuy nhiên cần chú ý bón đủ lân và Kali cho từng loại cây trồng cụ thể

c) Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 46.288 ha. Đất được hình thành trên đá macma axit chủ yếu là đá granite nghèo kiềm, giàu thạch anh và thường có thành phần cơ giới rất nhẹ; phân bố trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm; khoáng sét đã bị biến đổi đáng kể; quá trình rửa trôi sét và các Cation kiềm thổ xảy ra mạnh; trong đất hình thành tầng tích tụ sét (tầng Argic). Phần lớn đất phân bố ở địa hình đồi núi trung bình tới cao, độ dốc lớn, lớp phủ thực vật bị tàn phá mạnh, vì vậy quá trình rửa trôi xảy ra rất mạnh mẽ, đất có tầng mỏng, đá lộ đầu, đá lẫn nhiều.

\* *Đặc điểm hình thái:* Hình thái phẫu diện thường có 3 tầng đất (tầng 1 có độ dày khoảng 13 cm, tầng 2 khoảng 40 cm và tầng 3 khoảng 57 cm); tầng mặt thường có màu nâu; các tầng dưới có màu nâu nhạt đến vàng đỏ; đất có thành phần cơ giới trung bình, tỷ lệ cấp hạt cát trong đất chiếm đa số và có xu hướng giảm dần giữa các tầng đất và cấp hạt sét có xu hướng tăng dần giữa các tầng đất của phẫu diện; đất có cấu trúc cục tảng, tơi xốp ở tầng mặt và khá chặt ở các tầng dưới; chuyển lớp từ tầng 1 sang tầng 2 từ từ về màu sắc, từ tầng 2 sang tầng 3 rõ ràng.

\* *Tính chất của đất:* Dung trọng của đất biến động từ mức đất giàu dinh dưỡng đến mức đất bị nén, dao động từ 0,69 g/cm<sup>3</sup> đến 2,07 g/cm<sup>3</sup>, trung bình là 1,18 g/cm<sup>3</sup>; Độ chua (pH<sub>KCl</sub>) từ 3,49 đến 6,85, trung bình là 4,38; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) trong đất từ 0,08% đến 7,31%, trung bình là 2,24%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) từ 0,01% đến 0,36%, trung bình là 0,11%; Hàm lượng Phốtpho tổng số (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>%) từ 0,01% đến 1,64%, trung bình là 0,11%; Hàm lượng Kali tổng số (K<sub>2</sub>O%) từ 0,01% đến 3,04%, trung bình là 0,59%; Dung tích hấp thu (CEC - lđl/100g đất) từ 1,00 lđl/100g đất đến 22,50 lđl/100g đất, trung bình là 8,26 lđl/100g đất; Thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát dao động từ 10,78% đến 93,80%; sét dao động từ 1,35% đến 63,34% và limon dao động từ 0,60% đến 55,34%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng:* Đất thường ở địa hình cao, dốc nên khả năng sử dụng rất hạn chế. Ở những vùng đất có độ dày <70cm không nên sử dụng vào sản xuất nông nghiệp mà nên khoanh nuôi tái sinh rừng hoặc trồng rừng mới. Những đất đang là rừng các cấp, cần được duy trì và tu bổ. Đất phân bố ở những địa hình thấp và ít dốc hơn (có độ dốc < 15<sup>0</sup>) có thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng cà phê, chè, ca cao hay cây ăn quả các loại. Đối với loại đất này vẫn đề chống xói mòn được chú ý đặc biệt để không dẫn tới đất xói mòn trơ sỏi đá khi khai thác sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

d) Đất nâu đỏ trên đá bazan (Fk):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 17.134 ha. Là một trong những loại đất quý hiếm của nước ta. Hiện nay vẫn còn một diện tích đáng kể loại đất này chưa được khai thác sử dụng, tuy nhiên phần lớn diện tích này là còn rừng hoặc xa nguồn nước hoặc giao thông đi lại khó khăn lại là đầu nguồn sinh thủy của các con sông suối trong vùng do vậy cần giữ và bảo vệ rừng. Ở những khu vực đang được khai thác



cần lưu ý các biện pháp kỹ thuật chống xói mòn, tăng độ che phủ để giữ ẩm đất vào mùa khô, bổ sung các loại phân nhất là lân và Kali, nên ưu tiên sử dụng loại đất này để trồng các loại cây lâu năm như cà phê, cao su, chè, cây ăn trái.

\* *Đặc điểm hình thái:* Hình thái phẫu diện thường có 3 tầng (tầng 1 có độ dày khoảng 29 cm, tầng 2 khoảng 41 cm và tầng 3 khoảng 40 cm); đất có màu đỏ sẫm; đất có cấu trúc cục tảng, hơi xốp, ít chặt, hơi khô ở tầng mặt và khá chặt, ít xốp, hơi ẩm ở các tầng dưới; đất có thành phần cơ giới nặng, có xu hướng tích sét ở tầng dưới; chuyển lớp từ từ về màu sắc giữa các tầng đất.

\* *Tính chất của đất:* Dung trọng biến động từ đất giàu dinh dưỡng đến đất bị nén, dao động từ 0,42 g/cm<sup>3</sup> đến 1,52 g/cm<sup>3</sup>; Độ chua (pH<sub>KCl</sub>) từ rất chua đến trung tính, dao động từ 3,37 đến 6,35; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,17% đến 10,47%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,04% đến 0,49%; Hàm lượng Phốtpho tổng số (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>%) dao động từ 0,03% đến 1,25%; Hàm lượng Kali tổng số (K<sub>2</sub>O%) dao động từ 0,01% đến 1,25%; Dung tích hấp thụ (CEC - lđl/100g đất) từ mức thấp đến mức cao, dao động từ 4,00 lđl/100g đất đến 25,60 lđl/100g đất; Thành phần cơ giới của đất nâu đỏ trên đá bazan chủ yếu có thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát dao động từ 4,09% đến 85,08%; sét từ 0,18% đến 77,90% và limon dao động từ 2,70% đến 79,20%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng:* Đất nâu đỏ trên đá bazan nhìn chung có nhiều ưu điểm như thành phần cơ giới thịt trung bình đến thịt nặng, độ dày tầng đất lớn. Đây là đơn vị đất rất quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp của Gia Lai nhất là đối với việc phát triển cây công nghiệp lâu năm chủ lực như cà phê, cao su, tiêu... Do những thuộc tính của đất nâu đỏ trên, trong quá trình khai thác cho nông nghiệp cần chú ý:

- Do khoáng sét kaolinit chiếm ưu thế nên khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng của đất thấp, phân khoáng bón cho đất rất dễ bị rửa trôi. Bởi vậy cần chú ý đến biện pháp bón phân như bón nhiều lần, bón đúng lúc, bón đủ.

- Ngoài keo khoáng Kaolinit, đất còn chứa một lượng đáng kể các keo khoáng Oxyt Fe và Oxyt Al ngậm nước mang điện tích dương, tạo cho đất có khả năng hấp thụ anion. Vấn đề này ảnh hưởng mạnh đến hiệu lực của việc bón phân lân, để giảm bớt ảnh hưởng xấu này nên sử dụng phân lân hữu cơ.

- Bón phân hữu cơ cho đất để tăng khả năng giữ ẩm, cải tạo cấu tạo, tăng khả năng hấp thụ, cung cấp các chất dinh dưỡng cho cây trồng nhất là đạm, tăng hiệu lực các loại phân khoáng đặc biệt là phân lân. Có thể nói biện pháp bón phân hữu cơ là một biện pháp quan trọng có ý nghĩa cơ bản và lâu dài để nâng cao độ phì của các đất thuộc nhóm Ferralsols...

e) Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (F1):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 919 ha. Đất hình thành do việc cải tạo đất đỏ vàng để trồng lúa, trong điều kiện ngập nước quá trình rửa trôi diễn ra chậm, kết cấu đất bị phá vỡ dẫn đến quá trình rửa trôi sét theo chiều sâu.

\* *Đặc điểm hình thái:* Hình thái phẫu diện thường có 4 tầng (tầng 1 có độ dày khoảng 24 cm, tầng 2 khoảng 36 cm, tầng 3 khoảng 25 cm và tầng 4 khoảng 35 cm); đất



thành phần cơ giới trung bình và nặng; tầng mặt có màu đỏ đen, tầng 2 và tầng 3 thường có màu xám đen; đất có cấu trúc viên cục, toi xốp; chuyển lớp từ tầng 1 sang tầng 2 rõ ràng về màu sắc, các tầng dưới chuyển lớp từ từ về màu sắc.

\* *Tính chất của đất*: Dung trọng biến động từ mức đất giàu dinh dưỡng đến đất bị nén, từ  $0,47 \text{ g/cm}^3$  đến  $1,59 \text{ g/cm}^3$ ; Độ chua ( $\text{pH}_{\text{KCl}}$ ) dao động từ 3,49 đến 5,57; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,85% đến 12,26%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) dao động từ 0,05% đến 0,49%; Hàm lượng Phốtpho tổng số ( $\text{P}_2\text{O}_5\%$ ) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,01% đến 0,58%; Hàm lượng Kali tổng số ( $\text{K}_2\text{O}\%$ ) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,01% đến 2,00%; Dung tích hấp thu (CEC -  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất) biến động từ mức nghèo đến mức trung bình, dao động từ 2,10  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất đến 23,90  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất; Thành phần cơ giới chủ yếu có thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát dao động từ 17,80% đến 92,44%; sét dao động từ 1,12% đến 65,10% và limon từ 4,43% đến 32,42%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng*: Đất có địa hình cao, thoát nước, độ dốc nhỏ, tưới tiêu thuận lợi, nên khả năng chuyển đổi cây trồng thuận lợi. Đánh giá chung về nhóm đất đỏ vàng: nhóm đất mùn vàng đỏ được hình thành từ nhiều loại đá mẹ khác nhau, chủ yếu được phát triển từ đá biến chất và mác ma axit. Đất được hình thành và phát triển trên độ cao nhất định ( $>1000\text{m}$ ), nơi có thảm thực vật là rừng hoặc rừng mới bị khai phá đưa vào sản xuất nông nghiệp. Đất ít có khả năng sử dụng cho phát triển nông nghiệp. Hiện nay đất chủ yếu đang được che phủ bởi rừng, chỉ một bộ phận được khai phá làm nương rẫy. Việc bảo vệ rừng và tái tạo rừng là biện pháp sử dụng loại đất này có hiệu quả nhất.

f) Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh*: Diện tích 352 ha. Đất nâu vàng trên phù sa cổ hình thành trên mẫu chất phù sa cổ (Pleistocene) nghèo kiềm và thường có thành phần cơ giới nhẹ tới trung bình, phân bố trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm nên khoáng sét đã bị biến đổi đáng kể. Quá trình rửa trôi sét và các Cation kiềm thổ xảy ra mạnh mẽ, trong đất hình thành tầng tích tụ sét (tầng Argic).

\* *Đặc điểm hình thái*: Hình thái phẫu diện thường có 3 tầng (tầng 1 có độ dày tầng đất khoảng 15 cm, tầng 2 khoảng 33 cm, tầng 3 khoảng 6 cm); đất có thành phần cơ giới nhẹ; tầng mặt thường có màu xám đỏ đậm, các tầng dưới có màu nâu đỏ đậm; đất có cấu trúc viên hạt, toi xốp, không có rễ cây; hàm lượng cát hạt cát trong đất chiếm đa số và có xu hướng giảm dần giữa các tầng đất, cát hạt sét tăng dần; chuyển lớp từ tầng 1 sang tầng 2 rõ ràng về màu sắc, từ tầng 2 sang tầng 3 từ từ.

\* *Tính chất của đất*: Dung trọng từ  $0,90 \text{ g/cm}^3$  đến  $1,52 \text{ g/cm}^3$ ; Độ chua ( $\text{pH}_{\text{KCl}}$ ) từ mức rất chua đến mức ít chua, dao động từ 3,75 đến 5,07; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) từ 0,98% đến 3,62%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) biến động từ mức nghèo đến mức trung bình, dao động từ 0,04% đến 0,16%; Hàm lượng Phốtpho tổng số ( $\text{P}_2\text{O}_5\%$ ) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, từ 0,01% đến 0,16%; Hàm lượng Kali tổng số ( $\text{K}_2\text{O}\%$ ) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, từ 0,06% đến 2,11%; Dung tích hấp thu (CEC -  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất) từ 2,08  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất đến 22,40  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất; Thành phần cơ giới từ 30,72% đến 87,38%; sét từ 0,18% đến 48,78% và limon từ 5,83% đến 22,40%.



\* *Thực trạng và hướng sử dụng:* Đất nâu vàng trên phù sa cổ tuy có độ phì không cao nhưng do có tầng đất dày và phân bố chủ yếu ở địa hình bằng phẳng nên thích hợp với nhiều loại hình sử dụng đất, kể cả nông nghiệp và lâm nghiệp. Trong nông nghiệp các loại hình sử dụng đất có cả các cây dài ngày, cây ăn quả và nhiều loại cây hàng năm. Khả năng sử dụng đất nâu vàng trên phù sa cổ phụ thuộc rất nhiều vào địa hình và độ dày tầng đất mịn. Các đất nâu vàng địa hình cao thoát nước và có tầng đất hữu hiệu dày có khả năng trồng được nhiều loại cây kể cả cây dài ngày và cây hàng năm, đặc biệt là các cây dài ngày như cao su, điều, cây ăn trái, bông. Các đất có tầng đất hữu hiệu mỏng, chỉ có khả năng trồng cây hàng năm. Những nơi đất quá mỏng hoặc địa hình dốc chỉ nên trồng rừng nhằm bảo vệ đất và môi trường.

g) Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Fs):

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 4.168 ha. Đất được hình thành phát triển trên đá mẹ là đá sét hoặc đá biến chất, chủ yếu là đá sét. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình rửa trôi diễn ra mạnh, quá trình tích lũy sắt, nhôm... phổ biến. Đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ. Trong đất thường có nhiều đá lẫn.

\* *Đặc điểm hình thái:* Hình thái phẫu diện thường có 3 tầng (tầng 1 có độ dày khoảng 20 cm, tầng 2 khoảng 40 cm và tầng 3 khoảng 50 cm); tầng mặt thường có màu nâu, các tầng dưới có màu nâu đậm đến nâu vàng đỏ; đất có cấu trúc viên cục, tơi xốp, ít chặt; thành phần cơ giới chủ yếu là thịt trung bình đến nặng, tỷ lệ cấp hạt cát trong đất chiếm đa số và có xu hướng giảm dần giữa các tầng đất, cấp hạt sét có xu hướng tăng dần theo chiều sâu của phẫu diện; chuyển lớp rõ ràng về màu sắc giữa các tầng đất.

\* *Tính chất của đất:* Dung trọng từ 0,69 g/cm<sup>3</sup> đến 1,52 g/cm<sup>3</sup>, trung bình là 1,09 g/cm<sup>3</sup>. Độ chua (pH<sub>KCl</sub>) từ 3,32 đến 5,22, trung bình là 4,14. Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) từ 0,17% đến 5,83%, trung bình là 2,38%. Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) từ 0,02% đến 0,30%, trung bình là 0,13%. Hàm lượng Phốtpho tổng số (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>%) từ 0,02% đến 0,47%, trung bình là 0,11%. Hàm lượng Kali tổng số (K<sub>2</sub>O%) từ 0,02% đến 2,83%, trung bình là 0,46%. Dung tích hấp thu (CEC - lđl/100g đất) từ 0,90 lđl/100g đất đến 23,20 lđl/100g đất, trung bình là 8,98 lđl/100g đất. Thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát dao động từ 12,60% đến 92,96%; sét dao động từ 2,14% đến 63,96% và limon dao động từ 1,82% đến 38,40%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng:* Đất vàng đỏ trên phiến sét, biến chất nhìn chung có độ phì nhiều thấp, tầng đất dày, phân bố chủ yếu ở độ dốc <15<sup>0</sup> nên thích hợp cho sản xuất nông nghiệp.

b) Đất xám trên đá macma axit (Xa)

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 4.862 ha.

\* *Đặc điểm hình thái:* Hình thái phẫu diện đất thường có 3 tầng (tầng 1 có độ dày khoảng 25 cm, tầng 2 khoảng 35 cm và tầng 3 khoảng 50 cm); tầng đất mặt có màu nâu vàng đậm, tầng 2 và tầng 3 có màu nâu; đất thường có thành phần cơ giới từ nhẹ đến trung bình; đất khô, cấu trúc rời; không có rễ cây, từ độ sâu trên 60 cm có chất lẫn; hàm lượng cấp hạt cát trong đất chiếm đa số, chuyển lớp từ tầng 1 sang tầng 2 rõ ràng về màu sắc, tầng 2 sang tầng 3 từ từ.





\* *Tính chất của đất:* Dung trọng từ mức đất giàu dinh dưỡng đến đất bị nén, dao động từ  $0,75 \text{ g/cm}^3$  đến  $1,77 \text{ g/cm}^3$ , trung bình là  $1,32 \text{ g/cm}^3$ ; Độ chua ( $\text{pH}_{\text{KCl}}$ ) biến động từ mức rất chua đến mức kiềm, dao động từ 3,44 đến 7,04, trung bình là 4,58; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) từ 0,02% đến 5,86%, trung bình là 1,75%; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) từ 0,01% đến 0,40%, trung bình là 0,08%; Hàm lượng Phốtpho tổng số ( $\text{P}_2\text{O}_5\%$ ) từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,01% đến 1,29%, trung bình là 0,11%; Hàm lượng Kali tổng số ( $\text{K}_2\text{O}\%$ ) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,01% đến 2,76%, trung bình là 0,40%; Dung tích hấp thu (CEC -  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất) từ 0,06  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất đến 22,20  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất, trung bình là 7,72  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất; Thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát từ 15,80% đến 98,36%; sét dao động từ 3,36% đến 13,28% và limon dao động từ 0,72% đến 45,22%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng:* Hầu hết đất xám trên đá granit được sử dụng trồng hoa màu khác như mì, khoai lang. Nói chung đất này có tiềm năng không lớn nhưng nhờ địa hình thuận lợi cho việc canh tác, cung cấp nước. Đất xám trên đá Macma acid tuy có độ phì không cao nhưng các loại hình sử dụng trên đất xám khá phong phú, bao gồm các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây hoa màu và cây lương thực. Khả năng sử dụng tùy thuộc vào địa hình và độ dày tầng đất mịn.

g) Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha)

\* *Diện tích, phân bố và đặc điểm phát sinh:* Diện tích 10.102 ha.

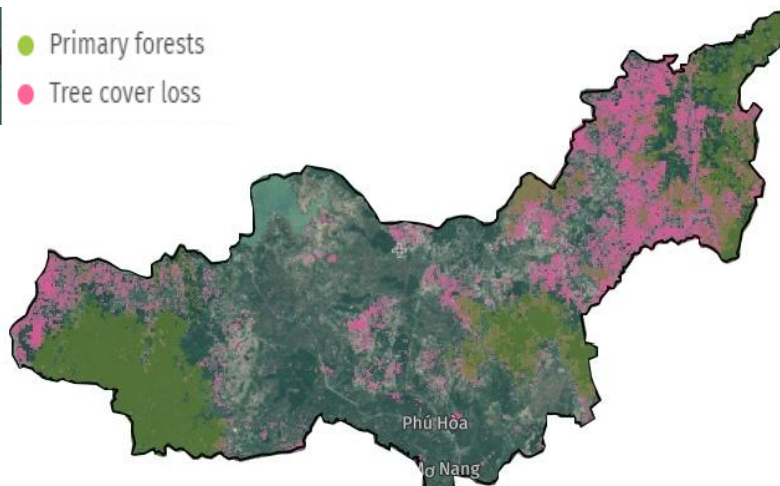
\* *Đặc điểm hình thái:* Hình thái phẫu diện thường có 3 tầng (tầng 1 có độ dày khoảng 14 cm, tầng 2 khoảng 46 cm và tầng 3 khoảng 50 cm); đất có thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cấp hạt cát trong đất chiếm đa số và giảm dần giữa các tầng đất của phẫu diện; tầng mặt và tầng 2 thường có màu nâu đen, tầng 3 có màu xám đen; đất có cấu trúc viên cục, nhiều rễ cây ở tầng mặt và tầng 2; chuyển lớp từ từ về màu sắc giữa các tầng đất.

\* *Tính chất của đất:* Dung trọng từ mức giàu dinh dưỡng đến mức đất bị nén, dao động từ  $0,54 \text{ g/cm}^3$  đến  $1,47 \text{ g/cm}^3$ , trung bình là  $1,05 \text{ g/cm}^3$ ; Độ chua ( $\text{pH}_{\text{KCl}}$ ) biến động từ mức rất chua đến mức trung tính, dao động từ 3,67 đến 6,18, trung bình là 4,29; Hàm lượng chất hữu cơ tổng số (OM%) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,04% đến 5,89%, trung bình là 3,10%; Dung tích hấp thu (CEC -  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất) dao động từ 1,30  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất đến 19,90  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất, trung bình là 9,57  $\text{ldl}/100\text{g}$  đất; Hàm lượng Nitơ tổng số (N%) biến động từ mức nghèo đến mức giàu, dao động từ 0,07% đến 0,28%, trung bình là 0,16%. Thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ cát dao động từ 37,58% đến 89,34%; sét dao động từ 1,38% đến 46,60% và limon dao động từ 2,90% đến 35,86%.

\* *Thực trạng và hướng sử dụng:* Đất được hình thành và phát triển trên độ cao nhất định ( $>1.000\text{m}$ ), nơi có thảm thực vật là rừng hoặc rừng mới bị khai phá đưa vào sản xuất nông nghiệp. Đất ít có khả năng sử dụng cho phát triển nông nghiệp. Hiện nay đất chủ yếu đang được che phủ bởi rừng, chỉ một bộ phận được khai phá làm nương rẫy. Việc bảo vệ rừng và tái tạo rừng là biện pháp sử dụng loại đất này có hiệu quả nhất.

### 1.2.3. Tài nguyên rừng

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng năm 2021 là 28.368,1 ha, trong đó rừng sản xuất là 14.974,57 ha; rừng phòng hộ là 11.965,72 ha và rừng ngoài quy hoạch phát triển rừng 1.427,81 ha. Cấu trúc chủ yếu là rừng thường xanh nửa rụng lá và rụng lá, tốc độ tăng trưởng chậm, độ che phủ thấp.



Sơ đồ 04: Mạng lưới thủy văn huyện Chư Păh [8]

**Hệ thực vật:** Từ kết quả nghiên cứu, thống kê của tài liệu lâm học và kết quả điều tra theo dõi diễn biến tài nguyên rừng của Phân viện ĐTQHR Nam Trung bộ và Tây nguyên cho biết thực vật vùng huyện Chư Păh có khoảng 300 loài. Trong đó có 213 loài cây gỗ lớn, thuộc về 65 họ thực vật. Với lượng các bon lưu trữ trung bình trong cây cá thể đạt cao nhất tương ứng với 243,41 kg/cây, trong lâm phần rừng Khộp đạt thấp nhất 149,26 kg/cây [9] thì lượng các bon trung bình lưu trữ được là 881.929.182 (trong đó 51.846 kg của cây cá thể và 881.877.336 của rừng khộp). Trong tổ thành thực vật có nhiều loài cây có giá trị kinh tế, giá trị khoa học khác nhau, bao gồm: Gỗ quý hiếm có 8 loài trong 50 loài quý hiếm của nước ta, gồm: *Trắc mật, Cẩm lai, Gụ mật, Hương tía, Giáng hương, Cà te, Cẩm thị và Muồng đen*; Gỗ tàu thuyền, tà vẹt gồm: *Gội nếp, Vên vên, Sao đen, Sao xanh, Săng lẻ...*; Gỗ làm xây dựng và đồ gia dụng: *Lòng mang, Dầu, Chò, Giẻ, Xoan đào...*; Gỗ dán, lạng: *Vạng, Trám hồng, Cóc đá, Gội, Chiêu liêu...*; Gỗ làm điêu khắc, mỹ nghệ: *Răng cưa, Lá nén, Thành ngạnh thơm*; Cây đặc sản có giá trị kinh tế cao như: *Cây Gió*, sản phẩm có tác dụng làm hương, dược liệu được thị trường thế giới ưa chuộng, nhưng hiện nay chỉ còn sót lại những cây có đường kính nhỏ; *Sa nhân*, phân bố trong rừng kiểu rừng kín lá rụng thường xanh, trữ lượng không đáng kể; *Song mây*: là một nguồn lợi khá lớn, phân bố ở ven khe, nơi nhiều ẩm; ngoài ra còn nhiều loại dược liệu khác như *Mã tiền, Vàng đắng, Hoàng đằng, Móc câu trắng, Ngũ da bì, Bời lời...*

**Hệ động vật:** Huyện Chư Păh có nhiều diện tích rừng thưa họ dầu, dưới tán rừng có nhiều loại cỏ, le nhỏ, phân bố ở địa hình bằng phẳng. Do đó hệ động vật cũng khá phong phú về thành phần loài, đặc biệt là hệ móng guốc. Theo tài liệu của Bộ môn Động vật rừng - Viện Điều tra quy hoạch rừng, vùng Chư Păh có khoảng 240 loài, có đến 14 loài quý hiếm, có giá trị khoa học cao và có giá trị bảo tồn. Tuy nhiên, công tác quản lý và bảo vệ chưa được chú trọng làm cho nguồn lợi này đã và đang suy giảm nghiêm trọng. Nhiều loài động thực vật quý hiếm đã bị diệt chủng hoặc di cư sang vùng khác. Hiện nay những loài có giá trị kinh tế, khoa học còn lại không đáng kể. Cần tuyên truyền, vận động, cấm săn bắt động vật quý hiếm. Đầu tư kinh phí thích đáng để phục hồi và bảo vệ nguồn tài



nguyên này, bảo vệ đa dạng sinh học rừng, động thực vật quý hiếm, bảo vệ môi trường, thiết lập vành đai xanh phía Bắc thành phố Pleiku.

Nhiều năm trước, Cục Kiểm lâm Gia Lai phối hợp với Chi cục FIPI miền Trung và Tây Nguyên đã khảo sát khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Pleiku và trình UBND tỉnh Gia Lai đề xuất xây dựng rừng đặc dụng. Theo đề xuất nêu trên, nếu 5 khu bảo tồn thiên nhiên được phê duyệt thì hệ thống rừng đặc dụng của tỉnh sẽ có diện tích 160.744,7 ha, chiếm 9,8% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Tỷ lệ này đáp ứng khuyến nghị của IUCN về tỷ lệ phần trăm diện tích rừng đặc dụng và phù hợp với bảo tồn đa dạng sinh học tài nguyên rừng ở tỉnh Gia Lai [10].

#### **1.2.4. Tài nguyên nước:**

Huyện Chư Păh nằm trong vùng phân vùng cấp nước lưu vực sông Sê San và phụ cận theo QĐ 4325/QĐ-BNN-TCTL ngày 02/11/2018 của Bộ NN&PTNT [11]. Huyện có tài nguyên nước khá dồi dào, cụ thể như sau:

*Tài nguyên nước mặt:* Hàng năm trên lãnh thổ huyện có lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.834,2 mm tương ứng lượng nước mưa khoảng 1,6-2,0 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Lượng nước mưa phân bố không đều tập trung chủ yếu vào các tháng 5-11 [4]. Tuy nhiên nằm trong quy luật chung của huyện lượng mưa phân bố không đều giữa các mùa và theo các vùng. Nguồn nước mặt chủ yếu dựa vào sự có mặt của hệ thống sông suối chính trong vùng với mật độ tương đối đồng đều, lên tục từ Bắc đến Nam và từ Đông sang Tây. Nguồn nước này chi phối đến sản xuất, đời sống của huyện. Một số sông suối chính chính như: Sông Sê San và phụ lưu, suối Đăk Pôkei ở phía Bắc xã Hà Tây, sông Đăk Bla (một nhánh của sông Sê San) chạy dọc theo đường ranh giới phía Bắc (xã Hà Tây), Suối Đăk Tư Tăng ở phía Tây và phía Nam xã Hà Tây, suối đi qua địa phận xã Đăk tư ve, Hà Tây và đổ vào sông Đăk Bla, suối Ia Nhin chảy từ phía Nam đi qua các xã Nghĩa Hòa, Ia Nhin, Ia Ka, Ia Mơ Nông, Ia Ly và đổ vào sông Sê San, hồ thủy lợi Ia Nâm, Ia Grak, Ia Bót, Ia Mơ Nông, Tân Sơn,..., hồ thủy điện Ia Ly, Ry Ninh I, Ry Ninh II, Sê San 3, Sê San 3A, Đăk Pơ Tăng.

Mặc dù tiềm năng nước mặt ở Chư Păh dồi dào, nhưng nếu mặt bằng cần tưới trên địa bàn toàn huyện thì lại rất thiếu nước mặt do không có điều kiện để làm công trình tưới. Hiện tại huyện chỉ có hồ Ia Ly là nơi dự trữ nước mặt lớn nhất, song cũng chỉ được sử dụng để cung cấp nước cho nhà máy thủy điện Ia Ly và du lịch sinh thái. Sự phân hóa sâu sắc của lượng mưa trong năm khiến cho mùa mưa nước mặt dư thừa gây lũ lụt, xói mòn đất, còn trong mùa khô lại thiếu nước cho sản xuất.

*Tài nguyên nước ngầm:* Theo bản đồ phân bố nước ngầm tỷ lệ 1/100.000 của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Gia Lai và kết quả điều tra của liên đoàn địa chất thủy văn tại vùng Chư Păh - Chư Nghé năm 1985 cho thấy nước ngầm của huyện chủ yếu tồn tại và vận động chủ yếu trong những khe nứt của các thành tạo phun trào bazan với có tổng trữ lượng nước cấp A + B: 26.894 m<sup>3</sup>/ngày, cấp C1 là 11.350 m<sup>3</sup>/ngày và cấp C2 là 90.000 m<sup>3</sup>/ngày; hệ số thấm K= 0,003-2,95 m/ng; hệ số dẫn nước Kh 0,50-199,0 m<sup>2</sup>/ng; hệ số nhả nước từ 0,05-0,14μ [12].



Qua khảo sát các giếng đào dân dụng cho thấy mực nước ngầm biến động tương đối lớn, những vị trí ven chân đồi hoặc ven suối mực nước ngầm ở độ sâu từ 5-10m, những vùng địa hình cao, xa suối, mực nước ngầm từ 15-25m, phổ biến từ 20-23m. Theo báo cáo quy hoạch thủy lợi Gia Lai nguồn nước ngầm của huyện có trữ lượng khoảng 280.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác nước ngầm cần phải thực hiện đúng theo Đề án Điều tra, đánh giá, khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND tỉnh Gia Lai) [13].

Do nguồn nước mưa cung cấp hàng năm tương đối lớn, cùng với khả năng thấm và giữ nước của một số thành tạo địa chất nên đã làm cho nguồn nước ngầm ở Chư Păh có vị trí quan trọng trong cân cân nước nói chung. Tài nguyên nước của vùng Chư Păh mất cân đối nghiêm trọng, về mùa khô các hồ tự nhiên, nhân tạo, các khu chứa nước rộng lớn tạo ra sự bốc hơi mất nước. Lượng nước sử dụng (chủ yếu cho nông nghiệp) không được hoàn lại và bị mất một khối lượng lớn ước tính trên 20% lượng nước dùng trong mùa khô, ở những nơi mất rừng các con suối khô cạn, mực nước ngầm tụt sâu, các giếng đào, giếng khoan đều phải đào và khoan sâu thêm mới có nước.

### **1.2.5. Tài nguyên khoáng sản**

Theo các tài liệu điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản của nhóm tờ Kon Tum - Buôn Mê Thuột, tỷ lệ 1/200.000 và tài liệu điều tra địa chất khoáng sản trên một phần diện tích thuộc tỉnh Gia Lai của các nhóm tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 bao gồm: nhóm tờ Kon Tum, Bồng Sơn, Krông Pa, Tuy Hòa, M'ĐRăc (với diện tích gần 5.000 km<sup>2</sup>); Quy hoạch thăm dò tài nguyên khoáng sản tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2005 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020; Kết quả nghiên cứu của Liên đoàn địa chất V - Quy Nhơn và Đoàn địa chất 707 - Gia Lai cho thấy huyện Chư Păh ghi nhận có nhiều điểm mỏ, điểm biểu hiện khoáng sản (chưa rõ triển vọng hoặc ít triển vọng). Cụ thể như sau:

**Đá ốp lát:** Do đặc thù về cấu trúc địa chất của huyện nên đá ốp lát là loại hình khoáng sản có tiềm năng triển vọng rất lớn của huyện Chư Păh. Tài liệu điều tra địa chất khoáng sản đã đăng ký và mô tả điểm mỏ khoáng sản đá ốp lát Granite Bắc Biển Hồ thuộc xã Nghĩa Hưng được liên đoàn ĐCTV-ĐCCTMT điều tra năm 1993. Đây là các thành tạo Granite thuộc phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn. Granite lộ thành khối ven chân núi, kéo dài không liên tục 2.000m, ở mức bình độ 800 - 900m, kích thước các khối 30 - 50 - 100m<sup>3</sup>. Lớp vỏ phong hóa dày 5 - 15 - 20m. Granite có màu hồng, đốm trắng đen hạt nhỏ đến trung bình; cấu tạo porphyr. Thành phần thạch học (%): feldpat: 40 - 45, plagiocla: 20 - 25. Đá bị biến đổi ở phần ngoài, vào trong tươi rắn chắc, có ít khe nứt tách rộng 1-3- 5cm, dài 0,2 - 5m, các khối 0,7m<sup>3</sup> trên 40%. Chất lượng đá granite tốt, có màu hồng rất đẹp, các chỉ tiêu độ bền nén, hấp thụ nước, có độ nguyên khối đạt tiêu chuẩn làm đá ốp lát. Điểm khoáng sản được đánh giá là có triển vọng lớn với tài nguyên

dự báo cấp 334a vào khoảng 17,1 triệu m<sup>3</sup>.

*Đá xây dựng:* Đá xây dựng trên địa bàn huyện có nguồn gốc từ granit, ryolit, bazan, đá vôi dolomit, đá hoa, chúng được phân bố rải rác ở nhiều nơi dọc các quốc lộ 14 và các tỉnh lộ khác, trong đó tiềm năng lớn nhất phải kể đến là các điểm đá xây dựng như: điểm Granite xây dựng Ya Ly, Plei Dôch, Chư Pao, đá phun trào bazan với tổng tài nguyên dự báo cấp 334 khoảng 554 triệu m<sup>3</sup>. Đá xây dựng trên địa bàn huyện không những có trữ lượng lớn và còn có chất lượng cao. Theo tài liệu của Trần Ngọc Khai và nhiều tác giả (2009) các thành tạo granodiorit xây dựng thuộc pha 2 phức hệ Bến Giằng. Đá phân bố dạng khối tầng eluvi kéo dài phương Tây Bắc – Đông Nam xấp xỉ 1km, rộng 400 – 500m. Tầng có kích thước 20 – 30m<sup>2</sup> chiếm tới 30 – 40%. Đặc điểm khoáng sản: đá cứng chắc ít bị nứt nẻ, biến đổi. Theo lát mỏng (K9358) tên đá là granodiorit hạt vừa; cấu tạo khối, kiến trúc hạt nửa tự hình; thành phần khoáng vật của đá như sau: plagioclase chiếm 38%; felspat kali chiếm 22%; thạch anh chiếm 25 – 26%; amphibol chiếm 3 – 2% và biotit chiếm 12%. Thành phần hóa của đá như sau: SiO<sub>2</sub> chiếm 66,99 %; Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> chiếm 15,19 %; FeO chiếm 2,92 %; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> chiếm 0,09 %; Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> chiếm 1,46 %; hàm lượng MKN chiếm 0,36%. Đặc tính cơ lý của đá thể hiện như sau: khối lượng thể tích trung bình 2,67 g/cm<sup>3</sup> ; khối lượng riêng trung bình 2,69 g/cm<sup>3</sup>; độ rỗng trung bình 0,75% ; độ hút nước bão hòa trung bình 0,14% ; hệ số hóa mềm trung bình 0,91 và cường độ kháng nén tự nhiên trung bình 1083 kg/cm<sup>2</sup>. Điểm đá xây dựng được đánh giá là có triển vọng quy mô lớn với tài nguyên dự báo cấp 334 khoảng 29,3 triệu m<sup>3</sup>.

*Quặng diatomit – trepel:* Trong phạm vi huyện đã phát hiện 01 điểm biểu hiện khoáng sản diatomit – trepel tại xã Ia Mơ Nông. Loại hình khoáng sản này là nguồn nguyên liệu sản xuất chất phụ gia thủy lực trong sản xuất xi măng; dùng cho sản xuất nguyên liệu tẩy lọc dầu, mỡ, sản phẩm dầu khoáng, khí, v,v; phục vụ các ngành công nghiệp xử lý môi trường; dùng cho sản xuất vật liệu cách nóng và bê tông nhẹ trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; dùng làm chất độn trong công nghiệp chất dẻo, công nghiệp hóa chất, công nghiệp sản xuất giấy, sơn, cao su, v,v,.. Tổng tài nguyên dự báo quặng diatomit – trepel trên địa bàn huyện đạt khoảng 5,87 triệu tấn cấp 334a; trong đó có 0,945 triệu tấn cấp dự tính 333.

- Cát sỏi xây dựng: Phân bố dọc theo các sông, suối lớn nhưng tập trung chủ yếu ở suối Ia Khuol, Phú Hòa, Ia Nhin,... việc khai thác sử dụng khá dễ dàng. Sét gạch ngói (Sgn) có ở toàn huyện, trữ lượng 10 triệu m<sup>3</sup>; ... [14], [15].

### **1.2.6. Tài nguyên nhân văn**

Chư Păh được biết đến là vùng đất giàu truyền thống lịch sử cách mạng. Toàn huyện có 26 dân tộc cùng sinh sống tạo nên sự đa dạng về văn hóa trong cộng đồng các dân tộc. Người dân lưu giữ nhiều phong tục tập quán độc đáo, gìn giữ nhiều lễ hội truyền thống giàu ý nghĩa như: pơ thi, mừng lúa mới, cúng nhà rông, giọt nước... Huyện Chư Păh hiện sở hữu đội ngũ nghệ nhân đông đảo ở các loại hình văn hóa dân gian như: cồng chiêng, dệt thổ cẩm, nhạc cụ dân tộc, tạc tượng, đan lát, hát dân ca...

Tài nguyên nhân văn mang nhiều giá trị lịch sử văn hoá, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Chư Păh nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung. Một trong những nét đặc sắc của nền văn hóa huyện là các giá trị truyền thống của đồng bào các

dân tộc thiểu số nơi đây, trong đó nổi bật là bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc Jarai và Bahnar.

### ***1.2.7. Tài nguyên du lịch:***

Thiên nhiên ban tặng cho vùng đất Chư Păh nhiều thắng cảnh tươi đẹp. Nhiều ngôi làng dân tộc thiểu số vẫn còn nét hoang sơ, yên bình với mái nhà rông, nhà sàn truyền thống là những địa điểm quen thuộc hấp dẫn hàng ngàn du khách yêu thích khám phá văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số. Một số điểm du lịch quan trọng như sau:

*Núi lửa Chư Đăng Ya:* Là ngọn núi lửa đã ngưng hoạt động hàng triệu năm, miệng núi lửa có hình phễu. Bao quanh Chư Đăng Ya là những rừng cây cổ thụ, hoang sơ. Điểm nhấn cho ngọn núi là sự hòa quyện của những loài hoa, cỏ dại [14].

*Biển hồ chè:* Biển Hồ chè là sự kết hợp giữa hồ nước thủy lợi và nương chè bạt ngàn. Dẫn vào những đồn điền chè xanh là hai bên hàng thông lá kim. [15].

*Chùa Bửu Minh:* Tọa lạc tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, cách trung tâm thành phố Pleiku khoảng 15km về phía Bắc, chùa Bửu Minh là một trong những ngôi chùa lâu đời tại Gia Lai. Sau nhiều lần trùng tu đến nay chùa Bửu Minh là ngôi chùa có kiến trúc hiện đại, kết hợp hài hòa giữ lối kiến trúc miền Bắc, miền Trung và kiểu dáng chùa Nhật Bản. [16].

*Nhà máy, lòng hồ thủy điện Ya ly:* Được xây dựng trên dòng Sê San, cách thành phố 30 km. Đây là nhà máy có quy mô lớn nhất miền Trung Tây Nguyên được thiết kế, xây dựng với kiến trúc đẹp, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và hữu tình với nhiều hạng mục như đập tràn xả lũ, đập nước, đài tưởng niệm, cửa nhận nước, nhà máy ngầm nằm dưới mặt đất gần 300m... [17].

*Thác Công chúa:* Nằm về phía Tây huyện, trên địa bàn xã Ia Mơ Nông. Gành đá được thiên nhiên sắp đặt như có chủ ý, xếp tầng tầng như nấc thang tuyệt đẹp [18].

*Cổng trời Ia Kreng:* thuộc xã Ia Kreng, nằm cách thành phố Pleiku khoảng 60km. Phong cảnh núi non hùng vĩ, một bên là vách núi, một bên là vực thẳm trải dài. Đi lên trên đỉnh núi, du khách bắt gặp rừng thông xanh và dòng suối Ya Trang uốn lượn. Nơi cao nhất của dãy núi ở độ cao khoảng 800m so với mực nước biển tạo cảm giác như lạc vào chốn tiên cảnh [19].

*Đập Tân Sơn:* cách trung tâm thành phố Pleiku 25 km về phía Bắc. Đập này nằm ngay trên cung đường đến với núi lửa Chư Đăng Ya nên cũng là điểm đến cực hot thu hút tín đồ du lịch. Nhờ vẻ đẹp thanh bình, với sắc xanh hòa quyện cùng không khí trong lành. [20]. [19]

*Suối đá làng Vân:* Hàng nghìn thanh đá lục lăng được sắp xếp dọc theo suối nước dài hơn 1 km ở làng Vân (thị trấn Ia Ly) có hình dạng kỳ lạ như tổ ong. Là địa điểm có tiềm năng du lịch, có khả năng xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích của tỉnh Gia Lai, cần được bảo vệ, giữ nguyên hiện trạng [21].

*Thác Bà:* Nằm cách trung tâm xã Nghĩa Hòa khoảng 2 km. Thác Bà có hình thủy liêm, bắt nguồn từ Hồ Tơ Nung (Biển Hồ) chảy về. Bao quanh bởi những viên đá to, tròn xếp chồng lên nhau, tạo cảm giác thích khám phá của du khách [22]

*Giáo đường H'Bâu, xã Chư Đàng Ya:* Giáo đường được xây dựng từ năm 1909, là sự kết hợp độc đáo giữa kiến trúc Gothic của Pháp với kiến trúc nhà sàn đặc trưng của Tây Nguyên. Ở mặt trước nhà thờ, dù đã khá mờ nhưng vẫn có thể đọc được dòng chữ Hán ghi lại năm xây dựng: Kỷ Dậu niên.

*Làng đồng bào dân tộc ít người – Làng Phung:* Thuộc xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh. Du khách đến đây sẽ để lại nhiều ấn tượng sâu sắc [23].

Ngoài ra còn các các điểm du lịch như: Núi Chư Nâm, Tịnh xá Ngọc Như, du lịch trên sông Sê San,...





Ảnh 01: Một số điểm du lịch huyện Chư Păh

a) Du lịch Văn hóa phi vật thể:

**Di sản văn hóa công chiêng:** Trong truyền thống của cư dân bản địa Tây Nguyên nói chung (gồm các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng), công chiêng có vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần. Công chiêng có mặt sớm trong hầu hết các tộc người đã cư trú lâu đời ở Tây Nguyên. Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại vào ngày 15/11/2005, đây là tài sản vô cùng quý báu của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên và có tác động rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như du lịch nói riêng tại Tây Nguyên trong đó có huyện Chư Păh.

**Các lễ hội:** Lễ hội cũng là một loại tài nguyên du lịch, có khả năng thu hút rất cao đối với du khách. Thông qua lễ và hội, trong chừng mực nhất định, du khách có thể hiểu được phong tục, tập quán của cư dân địa phương. Tại huyện Chư Păh hiện vẫn còn lưu truyền nhiều lễ hội của đồng bào dân tộc Jrai, Bahnar có những nét văn hóa đặc sắc như: Lễ đâm trâu, Lễ mừng chiến thắng, Lễ khánh thành nhà Rông, Lễ cầu an, Lễ tạ ơn thần, Lễ ăn cơm mới, Lễ trưởng thành, Lễ Pơ Thi (Lễ bỏ mã),...

**1.2.8. Tài nguyên năng lượng:**

Với tổng số giờ nắng trong năm dao động trong khoảng 1.400-3.000 giờ, tổng lượng bức xạ trung bình năm vào khoảng 230-250 lcal/cm<sup>2</sup>/ngày tăng dần từ Bắc vào Nam, với kết quả này có thể đánh giá Việt Nam có tiềm năng lớn về năng lượng mặt





trời.

Năng lượng gió, với đặc điểm nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa Đông Nam Á, lại có một bờ biển dài trên 3000 km, lãnh hải lớn hơn 3 lần so với lục địa, theo khảo sát, Việt Nam là quốc gia có tiềm năng về năng lượng gió. Hiện nay chưa có số liệu chính xác đánh giá tiềm năng năng lượng gió chính xác, nhưng sơ bộ các đánh giá khác nhau đưa ra con số tiềm năng năng lượng gió của Việt Nam dao động trong khoảng 1.785MW-8.700MW, có số liệu còn đưa ra khoảng trên 100.000 MW (dự báo của WB) như vậy nếu so với tiềm năng của thủy điện thì nguồn năng lượng gió của Việt Nam

## II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

### 1. Nông nghiệp:

**- Về trồng trọt:** Tổng diện tích các loại cây trồng: **26.238,2** ha, đạt 116,02% KH tỉnh, 101,18% KH huyện (tăng 1,56% so với năm 2020)<sup>1</sup>; năng suất và sản lượng cây trồng phần lớn đạt kế hoạch đề ra<sup>2</sup>. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các xã, thị trấn tập trung triển khai các giải pháp phòng, chống hạn hán vụ cho cây trồng, tuy nhiên trong vụ Đông-Xuân vẫn có 193,34ha cây trồng các loại bị thiệt hại giảm năng suất từ 50-70% (trong đó cây lúa 188,94 ha; cà phê 4,4 ha). Cây cà phê hỗ trợ theo chương trình tái canh cây cà phê giai đoạn 2019-2020 tại các xã Nghĩa Hòa, Ia Ka, Ia Mơ Nông nhìn chung sinh trưởng, phát triển tốt. Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai các dự án khuyến nông trên địa bàn huyện<sup>3</sup>. Các mô hình liên kết trồng ngô sinh khối và giống lúa OM18 với Tập đoàn Lộc Trời bước đầu đem lại hiệu quả cao. UBND huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm với Tập đoàn Lộc Trời trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025. Thực hiện duy tu, sửa chữa xong công trình thủy lợi Ia Rung 1, thị trấn Phú Hòa với tổng kinh phí 490 triệu đồng, hiện các công trình thủy lợi trên địa bàn hoạt động ổn định. Xây dựng và triển khai Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn huyện.

**- Về chăn nuôi:** Tiếp tục theo dõi, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, nhất là bệnh dịch tả lợn Châu Phi và Viêm da nổi cục trên trâu bò. Qua rà soát, toàn huyện có 886 con bò của 545 hộ/78 thôn, làng, tổ dân phố/11 xã, thị trấn mắc bệnh viêm da nổi cục<sup>4</sup> với tổng số 886 con mắc chiếm tỷ lệ 4,24 % so với tổng đàn trâu bò<sup>5</sup> (trong đó chết, tiêu hủy là 130 con/13.138 kg, chiếm 14,67 % tổng số con mắc bệnh); dịch tả lợn Châu phi xuất hiện tại 01 hộ thuộc thôn Tân Lập, xã

<sup>1</sup>Trong đó, vụ Đông xuân 2020 - 2021 là: 2.109,7 ha, đạt 109,5 % KH huyện và KH tỉnh (tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2020); Vụ Mùa được 24.128,3 ha, đạt 101,2% KH huyện, đạt 116% KH tỉnh (tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2020).

<sup>2</sup>Cụ thể: lúa đạt 54,1 tạ/ha (đạt 104,61% KH), ngô 55,1 tạ/ha (đạt 100%KH), rau các loại đạt 111,5 tạ/ha (đạt 99,22% KH), cà phê 30 tạ/ha.

<sup>3</sup> Mô hình thử nghiệm trồng thâm canh giới ăn hạt bằng cây ghép; mô hình trồng thâm canh cây quýt đường theo GAP; mô hình trồng xen cây sấu riêng trong vườn cà phê vối, kết hợp tưới nước tiết kiệm trên địa bàn.

<sup>4</sup> Gồm các xã, thị trấn: Ia Phí, Chư Đang Ya, TT.Ia Ly, Ia Ka, Nghĩa Hưng, Ia Khuol, Ia Mơ Nông, Đăk Tơ Ver, Ia Nhin, Hòa Phú, thị trấn Phú Hòa.

<sup>5</sup>Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện hiện có: đàn trâu 930 con; Đàn bò 19.704 con; Đàn heo 27.020 con; Đàn dê 1.729 con; Đàn ong 10.855 đàn; Đàn gia cầm 137.000 con.



Ia Khuol với 16 con mắc. Qua triển khai các biện pháp khoanh vùng, dập dịch<sup>6</sup>, đến nay, dịch bệnh viêm da nổi cục, dịch tả lợn Châu phi đã khống chế và không phát sinh thêm.

Phối hợp với Trung tâm thủy sản tỉnh triển khai mô hình nuôi cá lồng tại các xã Ia Phí với số lượng 14 lồng, 28.000 con cá Diêu hồng, cá rô phi đơn tính; qua theo dõi cá nuôi trong lồng sinh trưởng và phát triển tốt.

- **Về công tác phòng, chống thiên tai:** Tiếp tục duy trì chế độ trực phòng, chống ứng phó với thiên tai; từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện có một số đợt mưa kèm giông, lốc xoáy làm thiệt hại 13 công trình, nhà ở và một số cây cối, hoa màu của người dân. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã giúp đỡ các hộ dân khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống.

- **Về Chương trình MTQG nông thôn mới:** Dự kiến đến cuối năm 2021, 04 xã: Nghĩa Hưng, Ia Nhin, Nghĩa Hòa, Hòa Phú vẫn duy trì giữ vững 19 tiêu chí theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/7/2017 của UBND tỉnh; Làng Bui (xã Nghĩa Hưng) và làng Kênh (xã Nghĩa Hòa), làng Hreng (xã Hòa Phú) vẫn duy trì đạt chuẩn làng nông thôn mới. Do chịu tác động của dịch Covid-19 và Quyết định 861/QĐ-TTg nên xã Ia Mơ Nông không đạt xã nông thôn mới và làng Phung (xã Ia Mơ Nông) không đạt chuẩn làng nông thôn mới năm 2021. Các xã còn lại đạt từ 12-16 tiêu chí<sup>7</sup>. Triển khai xây dựng đề án nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ các sản phẩm cà phê, dược liệu, heo rừng lai, lợn bản địa đã được UBND huyện phê duyệt thực hiện giai đoạn 2019 - 2020 cơ bản thực hiện có hiệu quả, cây trồng, vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt, đầu ra của sản phẩm tương đối ổn định.

## 2. Về lâm nghiệp:

Tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác trồng rừng, năm 2021 trên địa bàn huyện được tỉnh giao diện tích trồng rừng tập trung là 370 ha, đến nay đã trồng được 432ha, đạt 116,75%; trồng cây phân tán kế hoạch giao 50.000 cây (50ha), kết quả thực hiện được 82.000 cây, đạt 164% KH. Xây dựng Kế hoạch giao rừng năm 2022. Tới thời điểm hiện tại diện tích rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện là 41.251,54 ha<sup>8</sup>. Tổng diện tích rừng giao khoán QLVR: 16.699,92 ha (các đơn vị chủ rừng: 13.510,59 ha; UBND xã: 3.189,33ha).

Các lực lượng chức năng, các đơn vị chủ rừng và UBND các xã, thị trấn tiếp tục tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra rừng, bố trí, sắp xếp lực lượng ở những địa bàn trọng điểm như: Hà Tây, Ia Kreng, Chư Đang Ya, Ia Khuol... để ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm. Qua thống kê, từ đầu năm đến nay trên địa bàn huyện xảy ra 02 vụ cháy rừng với diện tích 22,29 ha tại xã Hòa Phú thuộc lâm phần của BQLRPH Bắc Biển Hồ quản lý, nhìn chung mức độ ảnh hưởng nhẹ, có khoảng 10,5%

<sup>6</sup> Triển khai 05 kế hoạch vệ sinh, tiêu độc và khử trùng môi trường chăn nuôi, thủy sản với 1.541 lít hóa chất các loại; triển khai 05 kế hoạch tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc trên địa bàn với 38.925 liều vắc xin các loại.

<sup>7</sup> Xã Ia Phí, Hà Tây đạt 13 tiêu chí; Ia Khuol, Ia Ka đạt 16 tiêu chí; xã Đăk Tơ Ver đạt 14 tiêu chí; xã Chư Đang Ya đạt 15 tiêu chí; xã Ia Kreng đạt 12 tiêu chí.

<sup>8</sup> Cụ thể: Đất có rừng: 26.547,95 ha, trong đó: Rừng tự nhiên: 22.749,74 ha, Rừng trồng: 3.798,21 ha; Đất không có rừng: 14.703,59 ha.



số cây không còn khả năng tái sinh. Vi phạm Luật Lâm nghiệp xảy ra 10 vụ<sup>9</sup> (giảm 01 vụ so với năm 2020), tịch thu 11,647 m<sup>3</sup> gỗ tròn, xe các loại từ nhóm 2-8, 01 ô tô độ chế. Thu nộp ngân sách Nhà nước 135.000.000 đồng.

### **3. Về Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch, xây dựng, giao thông và khoa học công nghệ:**

a) *Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp*: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) ước đạt 1.197,12 tỷ đồng, bằng 86,71% KH (tăng 12,24% so với năm 2020). Toàn huyện có 433 cơ sở sản xuất công nghiệp – TTCN (*tăng 15 cơ sở so với năm 2020*), chủ yếu là cơ sở gia công đồ sắt, sửa chữa động cơ máy nổ, chế biến thực phẩm nhỏ lẻ. Do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nên giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn năm 2021 ở một số ngành kinh tế kỹ thuật đạt thấp so kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm 2020. Hệ thống điện nông thôn trên địa bàn đảm bảo an toàn, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ nhân dân. Tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 99,25%, đạt 100,25% KH (*tăng 0,25% so với năm 2020*). Cụm công nghiệp - TTCN huyện được cấp có thẩm quyền cho thuê hơn 18,5582ha, tỷ lệ đất công nghiệp đã cho thuê chiếm 48,04%, với 03 nhà máy đang hoạt động bình thường, 01 nhà máy hoạt động khi có đặt hàng, 02 nhà máy đang thi công xây dựng<sup>10</sup>. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ đối với công trình thủy điện Ia Ly. Xem xét, giải quyết đề nghị của Ban quản lý dự án điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tuyến DZ 35kV cấp điện thi công Dự án Nhà máy thủy điện Ia Ly mở rộng.

#### *b) Quy hoạch, xây dựng và giao thông:*

Tổ chức công bố 02 Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Hoà và thị trấn Ia Ly đến năm 2030 theo quy định, đồng thời bàn giao hồ sơ quy hoạch cho UBND thị trấn Phú Hoà và thị trấn Ia Ly quản lý; Tổ chức triển khai lập hồ sơ công tác cắm mốc cho 02 quy hoạch. Tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch chi tiết xây dựng<sup>11</sup>. Rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn các xã giai đoạn 2021 - 2030 và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn. Rà soát đánh giá hoạt động đầu tư xây dựng năm 2019 - 2020 phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra năm 2021 của Sở Xây dựng. Xây dựng danh mục dự án vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức kiểm tra trật tự xây dựng nhà ở riêng lẻ sau khi cấp Giấy phép xây dựng; trong năm đã cấp cấp 38 Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, công trình.

Về triển khai kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021: Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản có sự thay đổi... Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND huyện, sự cố gắng nỗ lực của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án nên việc triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản

<sup>9</sup>(09 vụ vi phạm hành chính; 01 vụ vi phạm hình sự phá rừng trái pháp luật).

<sup>10</sup> Nhà máy sản xuất bột bời lời của Công ty TNHH Thiên Đạt và Nhà máy sản xuất than hoạt tính của Công ty TNHH VEC Việt Nam.

<sup>11</sup> Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực phía Bắc đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Phú Hoà; điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện; quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 3, thị trấn Ia Ly.



trên địa bàn huyện đã đảm bảo kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các dự án đầu tư đã được cân đối, bố trí vốn kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Cụ thể: tổng số dự án, công trình (nguồn vốn đầu tư phát triển) 33 dự án, công trình với tổng kinh phí 100,544 tỷ đồng, đến nay đã có 29 công trình đã hoàn thành, tỷ lệ giải ngân đạt **98,77% KH**. Tổng số dự án, công trình (nguồn vốn sự nghiệp) 20 dự án, công trình, với tổng kinh phí 7,230 tỷ đồng, đã có 18 công trình hoàn thành, tỷ lệ giải ngân đạt 99,69% KH.

Hoàn thành công tác duy tu, sửa chữa đường giao thông trong kế hoạch năm 2021 từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế với 02 công trình<sup>12</sup>, tổng kinh phí 750 triệu đồng. Chỉ đạo triển khai Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương giai đoạn 2021-2025 tại 6 xã, thị trấn<sup>13</sup> với 47 dự án/công trình, tổng kinh phí bố trí năm 2021 là 22,980 tỷ đồng; Kiểm tra, xử lý xe tải trọng nặng lưu thông trên tuyến đường vào 3 làng khu vực lòng hồ Ia Ly tại xã Ia Phí và cấm biển hạn chế tải trọng xe lưu thông trên tuyến đường liên xã Ia Khuol - Ia Phí. Rà soát tình hình kê khai tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện Chư Păh. Kiểm tra, khắc phục các hư hỏng các công trình xây dựng, giao thông do mưa bão xảy ra trên địa bàn huyện năm 2021.

c) *Khoa học công nghệ*: Phối hợp với Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh triển khai “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước và hỗ trợ chứng nhận VietGAP cho cây sầu riêng tại xã Hoà Phú”. Các dự án ứng dụng khoa học và công nghệ năm 2021 sử dụng vốn ngân sách huyện chưa thực hiện được do nội dung đăng ký của các đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu.

#### **4. Thương mại và dịch vụ:**

Tăng cường triển khai các biện pháp đảm bảo cung cầu hàng hóa, bình ổn thị trường giá cả, nhất là các mặt hàng thực phẩm, thiết yếu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, qua theo dõi nhìn chung hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, không xảy ra tình trạng găm hàng để tăng giá bán. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2021 (theo giá hiện hành) ước đạt 1.980,8 tỷ đồng, đạt 98,89% KH (tăng 13,14% so với cùng kỳ năm 2020). Triển khai các hoạt động kết nối hàng hóa thiết yếu đến các tỉnh, thành phía Nam và hỗ trợ tiêu thụ nông sản của nhân dân do bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025.

**5. Về thu, chi ngân sách:** Việc quản lý và điều hành Ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng quy định và được quan tâm chỉ đạo thu ngay từ đầu năm nên thu ngân sách trên địa bàn huyện năm 2021 đạt cao với 49,90 tỷ đồng<sup>14</sup>, đạt 162,01% KH tỉnh,

<sup>12</sup> Gồm: công trình: duy tu sửa chữa đường liên xã Đă Tơ Ver-Hà Tây, hạng mục hệ thống thoát nước và đường giao thông liên xã Ia Nhin-Hòa Phú, hạng mục nền mặt đường.

<sup>13</sup> Gồm: Ia Ka, Ia Mơ Nông, Ia Phí, Nghĩa Hòa, Ia Ly, Phú Hòa.

<sup>14</sup> Trong phần nhiệm vụ thu của huyện, cơ quan Thuế thu (không kể thu tiền sử dụng đất) được 14 tỷ 455 triệu đồng đạt 85,03 % KH tỉnh và huyện; thu tiền sử dụng đất được 29 tỷ 644 triệu đồng đạt 247,03 % KH tỉnh giao và đạt 148,22 % KH HĐND huyện giao.; các đơn vị, các xã triển khai thu khác ngân sách, 2 tỷ 055 triệu đồng, đạt 117,17 % KH tỉnh giao và HĐND huyện giao.



103% KH huyện (tăng 32,65% so với năm 2020). Tổng chi ngân sách ước đạt 449,15 tỷ đồng, đạt 119,27% KH tỉnh, 114,91% KH huyện (giảm 8,23% so với cùng kỳ năm 2020)<sup>15</sup>.

Các ngân hàng trên địa bàn huyện thực hiện tốt các giải pháp về huy động vốn, mở rộng tín dụng đáp ứng về vốn cho nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh và các chương trình lớn như: hộ nghèo, hộ cận nghèo, nước sạch vệ sinh môi trường, giải quyết việc làm, học sinh, sinh viên. Ngân hàng Nông nghiệp – Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Chư Păh Đông Gia Lai trong năm 2021, đã huy động được 488 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2020; tổng dư nợ đạt 680 tỷ đồng (giảm 7,5% so với năm 2020); tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,2% tổng dư nợ. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện trong năm đã huy động được 372,184 tỷ đồng, tăng 24,533 tỷ đồng so với đầu năm; doanh số cho vay đạt 75,314 tỷ đồng; doanh số thu nợ năm 2021: đạt 75,314 tỷ đồng; tổng dư nợ ước đạt 330,655 tỷ đồng.

## 6. Về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và tình hình thu hút, kêu gọi đầu tư:

Năm 2021, tổng số hồ sơ liên quan thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh là 335 hồ sơ, trong đó, hồ sơ cấp mới: 165 hồ sơ, đạt 103% KH (tăng 1,85% so với năm 2020). Tiến hành rà soát thu hồi tập trung đối với hơn 400 Giấy phép kinh doanh của các hộ kinh doanh không còn hoạt động. Lũy kế tổng số hộ kinh doanh hoạt động ước đến hết năm 2021 là 913 hộ (giảm 23,9 % so với cùng kỳ năm 2020).

Về phát triển kinh tế tập thể: Trên địa bàn huyện hiện có 10 hợp tác xã<sup>16</sup> đang hoạt động với tổng vốn điều lệ là 12.912 triệu đồng (tăng 01 HTX so với năm 2020). Mặc dù huyện đã tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp phát triển doanh nghiệp, phân công đơn vị, địa phương tuyên truyền, vận động phát triển doanh nghiệp, phấn đấu đạt 25 doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2021 theo chỉ tiêu tỉnh giao. Tuy nhiên, với việc khó khăn trong sản xuất kinh doanh và lưu chuyển hàng hóa do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên địa bàn đạt thấp. Ước đến hết năm 2021 có 10 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 40% KH. Lũy kế, tổng số lượng doanh nghiệp trên địa bàn huyện là 175 doanh nghiệp.

Về tình hình kêu gọi, thu hút đầu tư tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. Trong năm 2021, huyện đã và đang xem xét, tham gia ý kiến đối với 13 dự án<sup>17</sup> đầu tư xin

<sup>15</sup> Chi đầu tư XDCB: 79.3 tỷ đồng; Chi thường xuyên: 333,12 tỷ đồng; Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 2,3 tỷ đồng.

<sup>16</sup>Hợp tác xã Nông nghiệp Việt Tiến; Hợp tác xã Nông nghiệp Nghĩa Hưng; Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ nông nghiệp Ia Mơ Nông; Hợp tác xã Kinh Tế Nông Nghiệp Sao Việt; Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Nghĩa Hòa và Hợp tác xã sản xuất nông lâm thủy sản Hùng Hoàn; Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp sâu riêng Hòa Phú; Hợp tác xã Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, Nông nghiệp Ia Ka; Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ nông nghiệp CPA; Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Cường Tương Ia Ka.

<sup>17</sup>Cụ thể: (1) Thống nhất chủ trương nghiên cứu, khảo sát dự án nhà máy xử lý rác Hòa Phú của Công ty cổ phần năng lượng xanh Việt Nam và Toàn Cầu; (2) xem xét đề nghị xin khảo sát, lập dự án trồng rừng sản xuất kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm của Công ty Cổ Phần Đông Nam được Gia Lai; (3) Thống nhất hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ cát xây dựng tại xã Ia Ka, Chư Păh của Công ty TNHH khai thác Khoáng sản và Xây dựng Trọng Nghĩa; (4) Thống nhất hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời KN Ia Ly của Công ty Cổ phần điện mặt trời Ia Ly ; (5) Đang xem xét đề xuất nghiên cứu khảo sát bổ sung quy hoạch dự án điện mặt trời Hòa Phú của Công ty Cổ phần tư vấn năng lượng tái tạo Việt – Korea; (6) Thống nhất đối với đề nghị xin nghiên cứu, khảo sát và lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời tại xã Ia Ka, huyện Chư Păh của Công ty Cổ phần Tasco ; (7) Đang xem xét đề nghị khảo sát,



chủ trương nghiên cứu khảo sát và quyết định đầu tư trên địa bàn; lũy kế đến nay, trên địa bàn huyện có 19 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, 18 dự án đang đề xuất, nghiên cứu, khảo sát, lấy ý kiến phê duyệt chủ trương đầu tư. Về Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của huyện: năm 2021, huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt 14 dự án kêu gọi đầu tư của giai đoạn 2021-2025; lũy kế đến nay trên địa bàn huyện có tổng cộng 26 dự án kêu gọi đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt tại danh mục dự án kêu gọi đầu tư của UBND tỉnh.

## 7. Văn hoá-xã hội:

**a. Giáo dục - Đào tạo:** Năm học 2020-2021, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học và tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 99,7%. Phối hợp với Sở Giáo dục-Đào tạo tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 với kết quả thí sinh đậu tốt nghiệp 584/618 thí sinh đăng ký dự thi, đạt tỷ lệ 94,50%. Năm học 2021-2022, toàn huyện có 45 đơn vị trường học<sup>18</sup> trong đó có 27 trường chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 60%; 14/14 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Các đơn vị trường học trên địa bàn đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đồng thời triển khai phương án dạy-học phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19. Hiện tại 100% các đơn vị trường học cấp học Tiểu học, Trung học cơ sở, THPT trên địa bàn triển khai học tập trung; về thời gian đi học lại đối với trẻ mầm non, huyện đang chờ sự chỉ đạo của các cấp.

## b. Văn hóa, thông tin:

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền chào mừng các ngày lễ lớn; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn huyện; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới; Khuyến khích người dân tích cực tham gia BHYT; Tăng cường tuyên truyền phòng chống dịch bệnh covid-19<sup>19</sup>,... Triển khai hướng dẫn đăng ký sử dụng chữ ký số, sim PKI cho các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, thị trấn; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn sử dụng chứng thư số cá nhân.

Tiến hành rà soát, kiểm kê công chiêng trên địa bàn huyện, kết quả đến nay toàn huyện còn lưu giữ được 346 bộ, với 5.116 chiếc<sup>20</sup>. Ước đến cuối năm 2021, toàn huyện có 15.769 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (đạt tỷ lệ 78%) và 103/109 thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa (tỷ lệ 94,50%). Việc tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp xã, tiến tới Đại hội Thể dục thể thao huyện Chư Păh lần thứ VI năm 2021, đến nay

---

nghiên cứu đầu tư dự án điện mặt trời tại xã Hà Tây của Công ty CP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên; (8) Đang xem xét đề nghị khảo sát, lập hồ sơ bổ sung vào quy hoạch đối với dự án điện mặt trời Nhà máy thủy điện Ry Ninh II; (9) Tham gia ý kiến hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trồng rừng của Công ty cổ phần Nguyên Lâm Gia Lai; (10) Đang xem xét, tham gia ý kiến đối với đề nghị xin nghiên cứu, đề xuất dự án trang trại nuôi heo tại xã Ia Nhin của Công ty cổ phần chăn nuôi Quang Lộc. (11) Dự án Trồng rừng tại Chư Đang Ya, Đăk Tơ Ver của Công ty Cổ phần cây xanh Bình Nguyên. (12) Dự án nhà máy gạch không nung Đăng Thuận của Công ty cổ phần Đăng Thuận Gia Lai. (13) Dự án đầu tư và phát triển trồng rừng, cây dược liệu ở vùng bán ngập của hồ đập thủy lợi tại tỉnh Gia Lai.

<sup>18</sup>Trong đó có 42 đơn vị thuộc thẩm quyền huyện quản lý với tổng số 19.308 học sinh, 953 CBQLGVNV và 02 trường THPT, 01 trường THCS&THPT thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục-Đào tạo với 2.438 học sinh, 141 CBQLGVNV.

<sup>19</sup>Thực hiện cất treo 202 lượt băng rôn, khẩu hiệu; in, kẻ vẽ và làm mới 1.323m<sup>2</sup> panô; 220m<sup>2</sup>, 922 tấm khẩu hiệu phướn và 70 tấm trụ phướn; cắm 1.709 lượt cờ các loại, 2.250m cờ dây, 684 cờ Đảng, cờ Tổ quốc nhân các ngày lễ và các sự kiện của địa phương.

<sup>20</sup>Trong đó: 19 bộ công chiêng Bahnar, 326 bộ công chiêng Jrai, 1 bộ khác.



có, 7/14 xã, thị trấn tổ chức thành công Đại hội TDTT cơ sở<sup>21</sup>. Triển khai lập hồ sơ di tích Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh; Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển dịch vụ Du lịch trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch phát triển Du lịch trên địa bàn huyện năm 2021; Báo cáo xin ý kiến UBND tỉnh cho phép không tổ chức Lễ hội Hoa Dã Quỳ-Núi lửa Chư Đăng Ya để đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao trong năm 2021 đã thực hiện 120 chương trình thời sự địa phương trên hệ thống truyền thanh FM của huyện với 1.520 tin, bài, phóng sự, gương người tốt; tiếp phát 5.824 giờ Truyền thanh FM (đạt 100,29% KH, bằng 101,46% so với cùng kỳ năm 2020). Đăng tải hơn 120 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của huyện; đảm bảo thông tin liên lạc, cấp phát thư báo, công văn, giấy tờ cho các đơn vị, các xã, thị trấn.

### **c. Y tế, dân số:**

Các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được triển khai có hiệu quả. Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn; đặc biệt quan tâm đến công tác khám chữa bệnh BHYT, khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; trong năm, đã khám, chữa bệnh cho 41.817 lượt người, trong đó, tại Trung tâm Y tế huyện là 21.455 lượt người, các Trạm Y tế xã 20.362 lượt người (giảm 27,1% so với năm 2020); thực hiện tiêm phòng các loại vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình y tế Quốc gia đủ liều cho 1.509 trẻ, đạt 95,5%. Tiếp tục duy trì 14/14 trạm Y tế xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế. Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại 99 cơ sở, qua đó đã tuyên truyền, nhắc nhở các cơ sở chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình được triển khai thường xuyên, cập nhật bổ sung thông tin và đảm bảo tốt công tác thống kê báo cáo về biến động Dân số-KHHGD. Cung cấp kịp thời, đầy đủ các dụng cụ tránh thai phi lâm sàng cho các đối tượng.

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2021**

### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 (TÍNH ĐẾN HẾT 31/12/2021).**

#### **1. Về chỉ tiêu loại đất:**

Tổng diện tích đất tự nhiên năm 2021 theo Kế hoạch được phê duyệt là 97.221,37 ha. Hiện trạng là 97.221,37 ha không thay đổi so với Kế hoạch được phê duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Chư Păh được phê duyệt tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, UBND các xã, thị trấn, tập trung triển khai các dự án đã đăng ký thực hiện, kết quả như sau:

<sup>21</sup>Nghĩa Hòa, Đăk Tô Ver, Ia Krenng, Chư Đăng Ya, Ia Phí, Ia Ka, Nghĩa Hưng.



### **1.1. Đối với nhóm đất nông nghiệp:**

Đất nông nghiệp năm 2021 theo kế hoạch được phê duyệt là 85.459,98 ha. Hiện trạng đã thực hiện là 86.079,68 ha, cao hơn 619,7 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 100,73 % so với kế hoạch được phê duyệt. **Cụ thể như sau:**

- Đất trồng lúa: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 4.638,17 ha. Hiện trạng thực hiện là 4.652,8 ha, cao hơn 14,63 ha, đạt 100,32% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: do nguồn vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án có sử dụng đất lúa còn khó khăn chưa thực hiện (như các công trình đầu tư xây dựng các tuyến kênh, mương và hồ Ia Prat tại xã Ia Khuol, hồ sinh thái kết hợp với du lịch tại thị trấn Phú Hòa chưa thực hiện được), nên diện tích đất lúa chưa được thu hồi để chuyển mục đích sang các mục đích khác. Vì vậy, diện tích đất lúa hiện trạng lớn hơn diện tích đất lúa theo kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 12.616,96 ha. Hiện trạng thực hiện là 13.383,44 ha, cao hơn 766,48 ha, đạt 106,07% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: do trong năm 2021 tình hình kinh tế khó khăn nên nhiều dự án như: Thủy điện Ia Phí, Thủy điện Đăk Pô Kei, thao trường bắn các xã, thị trấn... chưa thực hiện được; bên cạnh đó việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng ký nhu cầu của một số hộ dân từ đất trồng cây hàng năm sang lâu năm, từ đất cây hàng năm sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp chưa thực hiện được; Vì vậy, diện tích đất trồng cây hàng năm khác hiện trạng cao hơn diện tích theo kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 37.903,02 ha. Hiện trạng thực hiện là 38.293,16 ha, cao hơn 390,14 ha, đạt 101,03 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Trong năm 2021 nhiều hộ gia đình đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng cây hàng năm có giá trị kinh tế thấp sang trồng cà phê, cao su, cây ăn quả và một số cây lâu năm khác; ngoài ra do chưa có vốn đầu tư nên một số công trình, dự án thu hồi đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án với diện tích khá lớn chưa thực hiện được như: thao trường bắn các xã, các dự án đầu tư điện mặt trời tại xã Hòa Phú, Ia Khuol, thu hồi quy hoạch đất dân cư và công trình công cộng thị trấn Phú Hòa, các dự án công trình điện...; ngoài ra, việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang các mục đích như: đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp theo đăng ký nhu cầu của một số hộ dân chưa thực hiện được. Vì vậy, diện tích đất trồng cây lâu năm hiện trạng cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 13.929,35 ha. Hiện trạng thực hiện là 13.939,04 ha, cao hơn 9,69 ha, đạt 100,07 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: điều chỉnh theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy, diện tích đất rừng phòng hộ hiện trạng cao hơn diện tích theo kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 15.780,12 ha. Hiện trạng thực hiện là 15.602,63 ha (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 13.488,35 ha) thấp hơn 177,49 ha, đạt 98,88% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: điều chỉnh theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân





dân tình. Vì vậy, diện tích đất rừng sản xuất hiện trạng thấp hơn diện tích theo kế hoạch được duyệt.

Toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp hiện trạng trên địa bàn huyện không chồng lấn lên các loại đất khác như đất quốc phòng, đất sử dụng họa động khoáng sản, đất phát triển hạ tầng.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 161,27 ha. Hiện trạng thực hiện là 150,24 ha, thấp hơn 11,03 ha đạt 93,16 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: các hộ gia đình, cá nhân chưa thực hiện việc chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, diện tích đất nuôi trồng thủy sản thấp hơn kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 431,09 ha. Hiện trạng thực hiện là 58,39 ha, thấp hơn 372,7 ha đạt 13,54 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Do việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác để thực hiện các dự án chăn nuôi của các hộ gia đình chưa thực hiện. Vì vậy, diện tích đất nuôi trồng thủy sản thấp hơn kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

### **1.2. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:**

Đất phi nông nghiệp năm 2021 theo kế hoạch được phê duyệt là 7.293,67ha. Hiện trạng đã thực hiện là 6.043,39 ha, thấp hơn 1.250,28 ha, đạt 82,86% so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 53,65 ha. Hiện trạng thực hiện là 38,76 ha, thấp hơn 14,89 ha, đạt 72,24% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: do các dự án: xây dựng thao trường bắn tại các xã, thị trấn: Xã Ia Ka; Hòa Phú, Nghĩa Hòa, Chư Đăng Ya; Ia Kreng; Hà Tây, Đăk Tơ Ver và bãi vật cản thể lực tại thị trấn Phú Hòa chưa thực hiện được. Vì vậy, diện tích đất quốc phòng chưa đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đất an ninh: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 5,84 ha. Hiện trạng thực hiện là 1,24 ha, thấp hơn 4,6 ha, đạt 21,28% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: do việc giao đất xây dựng Trụ sở công an các xã, thị trấn và việc thu hồi diện tích đất của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh để mở rộng trụ sở Công an huyện chưa thực hiện được. Vì vậy, diện tích đất an ninh chưa đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 52,3 ha. Hiện trạng thực hiện là 52,3 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất thương mại-dịch vụ: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 53,35 ha. Hiện trạng thực hiện là 16,37 ha, thấp hơn 36,98 ha, đạt 30,69% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Trong năm 2021 nguồn vốn khó khăn nên việc thu hồi đất để thực hiện các dự án có mục đích thương mại-dịch vụ chưa thực hiện được như: thu hồi đất để thực hiện dự án khu nghỉ dưỡng núi lửa Chư Đăng Ya, siêu thị trung tâm tại thị trấn Phú Hòa, siêu thị tại thị trấn Ia Ly; ngoài ra việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thương mại-dịch vụ theo nhu cầu đăng ký của các hộ dân chưa thực hiện. Vì vậy, đất thương mại-dịch vụ thấp hơn kế hoạch được phê duyệt.



- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 96,18 ha. Hiện trạng thực hiện là 45,14 ha, thấp hơn 51,04 ha, đạt 46,93% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: do một số dự án chưa thực hiện được, như: Dự án Nhà máy nước sạch mới (9,000m<sup>3</sup>/ngày đêm) tại thị trấn Phú Hòa, thị trấn Ia Ly; Chuyển mục đích cho Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II thuê đất sản xuất kinh doanh và các Dự án chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất kinh doanh khác tại các xã chưa thực hiện; vì vậy chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp chưa đạt theo Kế hoạch được duyệt.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 50,48 ha. Hiện trạng thực hiện là 40,79 ha, thấp hơn 9,69 ha, đạt 80,8% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: nhiều dự án đất khai thác khoáng sản trong năm kế hoạch 2021 chưa thực hiện được. Vì vậy, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chưa đạt theo kế hoạch được phê duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 80,15 ha. Hiện trạng thực hiện là 31,13 ha, thấp hơn 49,02 ha, đạt 38,84% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Do các dự án đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trong năm kế hoạch 2021 chưa thực hiện được, ngoài ra điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo quy định tại Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Đất phát triển hạ tầng các cấp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 5.303,97 ha. Hiện trạng thực hiện là 4.417,04 ha, thấp hơn 886,93 ha, đạt 83,28% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do thiếu vốn nên nhiều công trình cơ sở hạ tầng chưa triển khai thực hiện được, như: lưới điện nông thôn, các công trình điện khác (4,96 ha); Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly (14,67 ha); Các Dự án điện năng lượng mặt trời tại xã Hòa Phú, xã Ia Khuơl, xã Ia Ka và xã Hà Tây với tổng diện tích 657 ha; thủy điện Đăk Pô Kei tại xã Hà Tây, Nhà máy Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp; dự án khu quy hoạch phía Bắc đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Phú Hòa và một số dự án khác. Cụ thể:

+ Đất giao thông: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 1.352,99 ha. Hiện trạng thực hiện là 1.281,51 ha, thấp hơn 71,48ha, đạt 74,72 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện một số dự án: Đường Nguyễn Văn Linh, đường Lê Lợi và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn Phú Hòa; dự án đường lên núi lửa xã Chư ĐangYa; đường giao thông trên địa bàn xã Hà Tây...

+ Đất Thủy lợi: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 426,03 ha. Hiện trạng thực hiện là 401,84 ha, thấp hơn 24,19ha, đạt 94,32 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án Hồ chứa nước Ia Prat tại xã Ia Khuơl; Kiên cố hóa kênh mương và làm mới 02 tuyến kênh của thủy lợi Ia Tơ ven 2.

+ Đất Thủy lợi: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 426,03 ha. Hiện trạng thực hiện là 401,84 ha, thấp hơn 24,19ha, đạt 94,32 % so với kế hoạch được duyệt.



Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án Hồ chứa nước Ia Prat tại xã Ia Khuol; Kiên cố hóa kênh mương và làm mới 02 tuyến kênh của thủy lợi Ia Tor ven 2.

+ Đất Cơ sở văn hóa: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 9,04 ha. Hiện trạng thực hiện là 8,13 ha, thấp hơn 0,91ha, đạt 89,93 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án Công viên tại xã Nghĩa Hưng.

+ Đất Y tế: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 8,34 ha. Hiện trạng thực hiện là 7,84 ha, thấp hơn 0,5ha, đạt 94,00 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án Trạm y tế xã Ia Khuol.

+ Đất cơ sở giáo dục-đào tạo: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 69,13 ha. Hiện trạng thực hiện là 67,22 ha, thấp hơn 1,91ha, đạt 97,24 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án: Mở rộng trường học làng Kon Kơ Mồ, Kon Sơ Lãng, Kon Hngleh, Xây dựng mới điểm trường làng Kon Kơ Mồ, xã Hà Tây.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 38,56 ha. Hiện trạng thực hiện là 38,56ha, đạt 100 % so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 3.133,36 ha. Hiện trạng thực hiện là 2.457,65 ha, thấp hơn 675,71ha, đạt 78,43 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện các dự án: Dự án Nhà máy điện mặt trời tại xã Hòa Phú, Ia Ka, Ia Khuol, Hà Tây; Thủy điện Đăk Pô Kei tại xã Hà Tây; Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly....;

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 1,41 ha. Hiện trạng thực hiện là 1,41ha, đạt 100 % so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất có di tích lịch sử-văn hóa: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 100 ha. Hiện trạng thực hiện là 0 ha, thấp hơn 100ha, đạt 0 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án di tích núi lửa Chư Đang Ya.

+ Đất xử lý bãi thải, chất thải: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 7,88 ha. Hiện trạng thực hiện là 4,84 ha, thấp hơn 3,04ha, đạt 61,44 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án nhà máy rác thải rắn tại xã Hòa Phú;

+ Đất tôn giáo: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 21,13 ha. Hiện trạng thực hiện là 14,13 ha, thấp hơn 7,0 ha, đạt 66,86 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện dự án giao đất cho các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện;

+ Đất nghĩa trang-nghĩa địa: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 133,99 ha. Hiện trạng thực hiện là 131,81 ha, thấp hơn 2,18 ha, đạt 98,37 % so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt do chưa thực hiện thu hồi đất cao su để xây dựng nghĩa địa xã Ia Nhin;

+ Đất chợ: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 2,11 ha. Hiện trạng thực hiện là 2,11ha, đạt 100 % so với kế hoạch được duyệt.



- Đất danh lam, thắng cảnh: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 103,1 ha; Hiện trạng 0 ha. Nguyên nhân do việc đầu tư dự án du lịch tại khu vực núi Lửa xã Chư Đăng Ya (*thu hồi đất xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch cộng đồng tại làng Gri, xã Chư Đăng Ya chưa thực hiện*) và khu du lịch thác công chúa tại xã Ia Mơ Nông chưa thực hiện, vì vậy diện tích đất danh lam, thắng cảnh chưa đạt kế hoạch.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 22,04 ha. Hiện trạng thực hiện là 22,03 ha, thấp hơn 0,01ha, đạt 99,97% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất vui chơi giải trí công cộng: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 3,33 ha. Hiện trạng thực hiện là 3,66 ha, cao hơn 0,33 ha, đạt 110,01% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất ở nông thôn: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 688,06 ha. Hiện trạng thực hiện là 665,55 ha, thấp hơn 22,51 ha, đạt 96,73% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid nên dẫn đến việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn còn hạn chế, dẫn đến chỉ tiêu đất ở chưa đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đất ở đô thị: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 166,36 ha. Hiện trạng thực hiện là 140,07 ha, thấp hơn 26,29 ha, đạt 84,2% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: do dự án Quy hoạch khu dân cư và công trình công cộng phía Bắc đường Hùng Vương chưa thực hiện được do đang triển khai công tác quy hoạch; Ngoài ra, năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid nên dẫn đến việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị còn hạn chế, dẫn đến chỉ tiêu đất ở đô thị chưa đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đất trụ sở cơ quan: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 13,71 ha. Hiện trạng thực hiện là 13,71 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 7,86 ha. Hiện trạng thực hiện là 7,83 ha, thấp hơn 0,03 ha, đạt 99,67% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 492,42 ha. Hiện trạng thực hiện là 441,74 ha, thấp hơn 50,68 ha, đạt 89,71% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Do chuyển đất sông suối để thực hiện các dự án Nhà máy Ia Ly mở rộng, đất khai thác khoáng sản, Hồ cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla... Vì vậy, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thấp hơn so với kế hoạch được phê duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 77,2 ha. Hiện trạng thực hiện là 77,2 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác: Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 23,67 ha. Hiện trạng thực hiện là 28,82 ha, cao hơn 5,15 ha, đạt 121,78% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Một số diện tích hiện trạng người dân sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp khác nên khi thực hiện thống kê đất đai năm 2021 điều chỉnh lại cho đúng với loại đất và hiện trạng sử dụng.

**1.3 Đối với đất chưa sử dụng:**

Kế hoạch được phê duyệt năm 2021 là 4.467,72 ha. Hiện trạng thực hiện là 5.098,3 ha, cao hơn 630,58 ha, đạt 87,63% so với kế hoạch được duyệt.

**Biểu 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch năm 2021 được duyệt		Kết quả thực hiện (2021)		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>97.221,37</b>	<b>100,00</b>	<b>97.221,37</b>	<b>0,00</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>85.459,98</b>	<b>87,90</b>	<b>86.079,68</b>	<b>619,70</b>	<b>100,73</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.638,17	4,77	4.652,80	14,63	100,32
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.986,02</i>	<i>2,04</i>	<i>2.004,13</i>	<i>18,11</i>	<i>100,91</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	12.616,96	12,98	13.383,44	766,48	106,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.903,02	38,99	38.293,16	390,14	101,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	13.929,35	14,33	13.939,04	9,69	100,07
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	15.780,12	16,23	15.602,63	-177,49	98,88
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	161,27	0,17	150,24	-11,03	93,16
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	431,09	0,44	58,39	-372,70	13,54
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.293,67</b>	<b>7,50</b>	<b>6.043,39</b>	<b>-1.250,28</b>	<b>82,86</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	53,65	0,06	38,76	-14,89	72,24
2.2	Đất an ninh	CAN	5,84	0,01	1,24	-4,60	21,28
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	52,30	0,05	52,30	0,00	100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	53,35	0,05	16,37	-36,98	30,69
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	96,18	0,10	45,14	-51,04	46,93
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	50,48	0,05	22,47	-28,01	44,51
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm	SKX	80,15	0,08	49,45	-30,70	61,70
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.303,97	5,46	4.417,04	-886,93	83,28
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.352,99</i>	<i>1,39</i>	<i>1.281,51</i>	<i>-71,48</i>	<i>94,72</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>426,03</i>	<i>0,44</i>	<i>401,84</i>	<i>-24,19</i>	<i>94,32</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>9,04</i>	<i>0,01</i>	<i>8,13</i>	<i>-0,91</i>	<i>89,93</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>8,34</i>	<i>0,01</i>	<i>7,84</i>	<i>-0,50</i>	<i>94,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>69,13</i>	<i>0,07</i>	<i>67,22</i>	<i>-1,91</i>	<i>97,24</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>38,56</i>	<i>0,04</i>	<i>38,56</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>



-	Đất công trình năng lượng	DNL	3.133,36	3,22	2.457,65	-675,71	78,43
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,41	0,00	1,41	-	100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	100,00	0,10	-	-100,00	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,88	0,01	4,84	-3,04	61,44
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	21,13	0,02	14,13	-7,00	66,86
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	133,99	0,14	131,81	-2,18	98,37
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,11	0,00	2,11	-	100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	103,10	0,11	-	-103,10	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	22,04	0,02	22,03	-0,01	99,97
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,33	0,00	3,66	0,33	110,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	688,06	0,71	665,55	-22,51	96,73
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	166,36	0,17	140,07	-26,29	84,20
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,71	0,01	13,71	0,00	99,97
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	DTS	7,86	0,01	7,83	(0,03)	99,67
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	492,42	0,51	441,74	-50,68	89,71
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MN C	77,20	0,08	77,20	0,00	100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	23,67	0,02	28,82	5,15	121,78
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>4.467,72</b>	<b>4,60</b>	<b>5.098,30</b>	<b>630,58</b>	<b>87,63</b>

***Biểu 02: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án có thu hồi đất quan trọng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đã thực hiện trong năm kế hoạch 2021:***

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Dự án TBA 220kV Pleiku - TBA 110kV Ia Grai và nhánh rẽ	7,00	TT Phú Hòa, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng
2	Thu hồi đất để giao đất bảo vệ đập thủy điện	22,96	TT Ia Ly, Ia Kreng
3	Thu hồi đất để khôi phục khả năng vận hành đường dây 110 Kv đường dây 110 Kv 176/Pleiku500-171/KonTum	0,01	Hòa Phú
4	Cây xăng (Công ty TNHH MTV xăng dầu Trường Thành Gia Lai)	0,90	Ia Khuol



5	Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất	50,00	Trên địa bàn huyện
---	--	-------	--------------------

**Biểu 03: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án có thu hồi đất quan trọng đang thực hiện trong năm kế hoạch 2021:**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly	13,51	Ia Ly, Ia Kreng, Ia Mơ Nông
2	Dự án Nhà máy điện mặt trời	657,00	Xã Hòa Phú, Ia Khuol, Ia Ka, Hà Tây
3	Đường Nguyễn Văn Linh, đường Lê Lợi và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn.	15,00	Thị trấn Phú Hòa
4	Quy hoạch khu dân cư và công trình công cộng phía Bắc đường Hùng Vương	50,00	
5	Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý nhằm thực hiện quy hoạch sử dụng đất	13,00	Xã Hòa Phú, thị trấn Phú Hòa, Ia Ninh, Ia Ka
6	Thu hồi đất của Nông trường 706 giao lại cho địa phương quản lý để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất	425,00	Xã Nghĩa Hòa, Ia Ninh.
7	Nhà văn hóa đa năng	0,30	Nghĩa Hưng
8	Khu công viên xanh	0,91	Nghĩa Hưng

**Biểu 04: Tổng hợp danh mục các công, dự án có thu hồi đất nhưng chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2021**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Mở rộng trụ sở công an huyện và trụ sở công an các xã, thị trấn	4,80	
1.1	Mở rộng trụ sở công an huyện	1,80	Thị trấn Phú Hòa
1.2	Xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn	3,00	Các xã, thị trấn
2	Xây dựng khu vực huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh và bãi vật cản thể lực tổng hợp	1,00	Thị trấn Phú Hòa
3	Xây dựng thao trường bắn xã các xã, thị trấn	14,00	Xã Ia Ka 2,0 ha; Hòa Phú 2 ha, Nghĩa Hòa 2 ha, Chư Đàng Ya 1,0 ha; Ia Kreng: 3,0 ha; Hà Tây 2,8 ha, Đăk Tô Ver 1,2 ha
4	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Gia Lai	0,01	Trên địa bàn huyện



5	Xây dựng mới 0,54 km nhánh rẽ 500kV đầu nối 3 qua huyện Chư Păh	2,00	Thị trấn Phú Hòa
6	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai	0,021	Ia Phí, Ia Ka
7	Trạm 110 Kv, công trình Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV 172/Pleiku500-172/Diên Hồng; lưới điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Gia Lai, các công trình điện khác	4,96	Xã Nghĩa Hòa 0,11 ha; xã Nghĩa Hưng 0,113 ha; xã Ia Khrọl, thị trấn Phú Hòa, xã Hòa Phú và một số xã khác trên địa bàn huyện 4,75 ha
8	Đầu tư phát triển du lịch cộng đồng	3,1	Xã Chư Đang Ya
9	Di tích núi lửa Chư Đang Ya	100,00	Chư Đang Ya
10	Nhà máy Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp	551,00	Ia Ly
11	Thủy điện Đăk Pô Kei	10,25	Xã Hà Tây
12	Thu hồi đất để xây dựng trạm liên ngành bảo vệ rừng	0,06	Xã Hà Tây
13	Mở rộng trường học làng Kon Kơ Mỡ, Kon Sơ Lãng, Kon Hngleh	2,00	
14	Xây dựng mới điểm trường làng Kon Kơ Mỡ	0,25	
15	Thu hồi đất để mở rộng, thực hiện các đường giao thông trên địa bàn xã	10,00	Xã Chư Đang Ya
16	Thu hồi đất thực hiện dự án đường lên núi lửa và các công trình nghỉ dưỡng khu vực Núi lửa, Chư Đang Ya.	10,00	
17	Kiên cố hóa kênh mương và làm mới 02 tuyến kênh của thủy lợi Ia Tơ ven 2	0,50	Xã Ia Khrọl
18	Các công trình giao thông và một số công trình khác trên địa bàn huyện	10,00	Trên địa bàn huyện
19	Trạm y tế	0,50	Đăk Tơ Ver
20	Thu hồi đất để nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	7,00	
21	Thu hồi đất để xây dựng, cải tạo các tuyến kênh mương	5,00	
22	Hồ chứa nước Ia Prat	27,00	Xã Ia Khrọl
23	Đất mặt nước kết hợp du lịch sinh thái	30,00	Thị trấn Phú Hòa
24	Công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Phú Hòa (vùng bảo hộ vệ sinh các giếng nước, đường ống dẫn nước và đường vào các giếng)	1,06	Thị trấn Phú Hòa, Nghĩa Hưng, Ia Nhin
25	Trạm thực nghiệm chuyên giao kỹ thuật nông nghiệp	2,00	Thị trấn phú Hòa
26	Cửa hàng dịch vụ nông nghiệp	0,80	Thị trấn phú Hòa





27	Thu hồi đất của trường THCS Hòa Phú để xây dựng Hội trường thôn 2 xã Hòa Phú	0,16	Hòa Phú
28	Thu hồi đất của trường THCS Hòa Phú để xây dựng Hội trường thôn 3 xã Hòa Phú	0,18	Hòa Phú
29	Nhà máy rác thải rắn	5,00	
30	Khu lưu chứa rác thải nguy hại	0,04	Nghĩa Hưng

**Biểu 05: Tổng hợp danh mục các công trình kêu gọi đầu tư chưa thực hiện trong năm 2021.**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	53,91	Xã Ia Khuol
2	Đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch	0,10	thị trấn Ia Ly
3	Dự án xây dựng siêu thị	1,30	Thị trấn Ia Ly
4	Trung tâm giết mổ gia súc gia cầm	1,00	Trên địa bàn huyện
5	Bến xe huyện	2,00	Thị trấn Phú Hòa
6	Bến xe	1,50	Thị trấn Ia Ly
7	Trạm dừng nghỉ liên hợp	3,00	Xã Ia Khuol
8	Siêu thị trung tâm thương mại	0,29	Nghĩa Hưng
9	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	2,00	Xã Ia Khuol
10	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan và cà phê bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình UTZ, 4C, VietGap)	2,00	Trên địa bàn huyện
11	Nhà máy chế biến tiêu hạt và tiêu bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình VietGap)	2,00	Trên địa bàn huyện
12	Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su và gỗ rừng sản xuất	2,00	Trên địa bàn huyện
13	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật bằng công nghệ sinh học	2,00	Trên địa bàn huyện
14	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt	2,00	Trên địa bàn huyện
15	Nhà máy rác thải	1,00	Trên địa bàn huyện
16	Nhà máy sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm từ mũ cao su	2,00	Trên địa bàn huyện
17	Dự án trồng rừng, chuyển mục đích để trồng rừng	2.000,00	Trên địa bàn huyện
18	Dự án chăn nuôi heo tập trung, gia cầm công nghệ cao	20,00	Trên địa bàn huyện
19	Khu du lịch sinh thái Lâm viên Biển Hồ	50,00	Nghĩa Hưng



20	Dự án tổ hợp du lịch quốc tế núi lửa Chư Đăng Ya-Biên Hồ	6.000,00	Chư Đăng Ya, Nghĩa Hưng
21	Du thuyền trên lòng hồ thủy điện Ia Ly	2.000,00	TT Ia Ly
22	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón vô cơ	2,00	Ia Khuol
23	Khu du lịch sinh thái Ia Ly	15,00	Thị trấn Ia Ly
24	Khu du lịch thác công chúa	100,00	xã Ia Mơ Nông

**Biểu 06: Tổng hợp danh mục các công trình dự án khác chưa thực hiện trong năm 2021.**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Móng trụ điện đường dây điện đấu nối của các dự án điện gió, điện mặt trời	1,00	Các xã và thị trấn
2	Khu đất cao su trong khu vực Nhà máy thủy điện Hà Tây Chư Păh	2,71	Xã Hà Tây
3	Mặt bằng sân công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Hiệp Lợi	1,00	Xã Ia Kreng
4	Mặt bằng sân công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Quốc Duy Gia Lai	1,00	Xã Ia Nhin
5	Mặt bằng sân công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Hoàng Long	1,00	Thị trấn Ia Ly

**Biểu 07: Tổng hợp danh mục các công, dự án bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất do 3 năm không thực hiện:**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Gia Lai	0,01	Trên địa bàn huyện
2	Trạm 110 Kv, công trình Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV 176/Pleiku500-171/Kon Tum; lưới điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Gia Lai	4,96	Xã Nghĩa Hòa 0,11 ha; xã Nghĩa Hưng 0,113 ha; xã Ia Khuol, thị trấn Phú Hòa, xã Hòa Phú (0,1 ha) và một số xã khác trên địa bàn huyện 4,65 ha
3	Đất mặt nước chuyên dùng kết hợp du lịch sinh thái	30,00	Thị trấn Phú Hòa



4	Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý nhằm thực hiện quy hoạch sử dụng đất	16,00	Xã Hòa Phú, thị trấn Phú Hòa, Ia Nhin, Ia Ka
5	Kiên cố hóa kênh mương và làm mới 02 tuyến kênh của thủy lợi Ia Tơ ven 2	0,50	Xã Ia Khuol
6	Công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Phú Hòa (vùng bảo hộ vệ sinh các giếng nước, đường ống dẫn nước và đường vào các giếng)	0,74	Thị trấn Phú Hòa, Nghĩa Hưng
7	Dự án Nhà máy điện mặt trời	442	Xã Ia Ka, Hà Tây
8	Chuyển mục đích cho Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II thuê đất sản xuất kinh doanh	0,38	TT Ia Ly

## 2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

### 2.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến năm 2021 thực hiện là 1,06 ha đạt 0,1% so với kế hoạch được phê duyệt (1.105,46 ha). Nguyên nhân đạt thấp là do trong năm 2021 các dự án lớn chưa thực hiện được như: lưới điện nông thôn, các công trình điện khác (4,96 ha); Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly (14,67 ha); Các Dự án điện năng lượng mặt trời tại xã Hòa Phú, xã Ia Khuol, xã Ia Ka và xã Hà Tây với tổng diện tích 657 ha; thủy điện Đăk Pô Kei tại xã Hà Tây, Nhà máy Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp và nhiều dự án khác... Trong đó, đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang ở theo kế hoạch được phê duyệt 0,98 ha, đạt 3,4%.

**Biểu 08: Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
			Thị trấn Ia Ly	Thị trấn Phú Hòa	Xã Nghĩa Hòa	Xã Nghĩa Hưng	Xã Ia Nhin	Xã Chư Đang Ya	Xã Ia Khuol	Xã Hòa Phú	Xã Ia Ka	Xã Hà Tây	Xã Ia Kreng	Xã Đăk Tơ Ver	Ia Mơ Nông	Xã Ia Phí
<b>1</b>			<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất ở</b>													
1	Năm 2021 được phê duyệt	28,9	3	2	1,5	6	2	3	2	2	1	1,2	0,2	1,5	2	1,5
2	Kết quả thực hiện	0,98	0,05	0,07	0	0,16	0,04	0,01	0,29	0,23	0,04	0	0	0,04	0,01	0,04
3	<i>Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại</i>	27,92	2,95	1,93	1,5	5,84	1,96	2,99	1,71	1,77	0,96	1,2	0,2	1,46	1,99	1,46



## **2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Chư Păh được phê duyệt thì sẽ chuyển nội bộ đất nông nghiệp là 11 ha. Kết quả thực hiện 17,89 ha. Trng đó đất trồng cây hàng năm chuyển sang cây lâu năm 15,29 ha, đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất trồng cây hàng năm 0,77 ha, đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,83 ha.

## **3. Kết quả chuyển đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:**

Trong năm 2021, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng theo kế hoạch được phê duyệt là 644,23 ha. Tuy nhiên, trong năm 2021 chỉ tiêu này không đạt do chưa thực hiện các dự án có sử dụng loại đất này. Cụ thể: Các dự án trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng theo Quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt; Các dự án về đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp; Các dự án phát triển hạ tầng...

## **4. Về tình hình thu, chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ năm 2021:**

- Tổng thu từ đất trong năm 2021 khoảng 36 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất bằng hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hợp thức hóa quyền sử dụng đất, cho thuê đất sản xuất nông nghiệp tại xã Nghĩa Hưng và một số xã khác trên địa bàn huyện, đạt 16,4% kế hoạch đã phê duyệt. Nguyên nhân do năm 2021 dự án giao đất ở tại phía Bắc đường Hùng Vương, thị trấn Phú Hòa, tại khu quy hoạch xã Nghĩa Hưng và một số khu vực dự kiến cho thuê đất trên địa bàn huyện năm 2021 chưa thực hiện được, vì vậy chỉ tiêu về thu ngân sách theo Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt chưa đạt.

- Tổng chi từ đất khoảng 1,0 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng,... chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã phê duyệt. Nguyên nhân trong năm 2021 trên địa bàn huyện còn nhiều dự án lớn chưa triển khai như: Hồ chứa nước Ia Prat, các Dự án điện mặt trời...

## **5. Về công bố kế hoạch sử dụng đất:**

Kế hoạch sử dụng đất của của huyện Chư Păh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Chư Păh. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất được duyệt, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện Chư Păh công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Tài liệu được công khai tại Trụ sở UBND huyện, tại Phòng Tài nguyên và Môi trường và đăng tải trên website của UBND huyện. Tài liệu công khai gồm có: (1)- Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Chư Păh; (2)- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất và (3)- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

## **6. Về hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2021:**

- Kết quả thực hiện trong năm 2021 cho thấy, kế hoạch sử dụng đất là tài liệu hết sức cơ bản trong việc xác định vị trí, quy mô, định mức sử dụng đất, mục đích sử dụng



đất, thu hồi đất phục vụ cho việc đầu tư, xây dựng công trình; giúp UBND huyện quản lý chặt chẽ công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp, nhất là trong việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác. Đây cũng là giải pháp nhằm hạn chế tình trạng sử dụng đất trái phép của hộ gia đình, cá nhân trong thời gian vừa qua.

- Diện tích đất nông nghiệp, đất trồng lúa trong năm kế hoạch 2021 đã được quản lý chặt chẽ và ngày càng tăng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đạt hiệu quả, không để xảy ra tình trạng chuyển mục đích trái phép đất nông nghiệp với quy mô lớn. Kế hoạch thu hồi đất được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, diện tích, các loại đất được thu hồi cũng như giao đất theo đúng kế hoạch đề ra.

## **II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN CỦA CÁC TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021**

### **1. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

- Nhiều công trình, dự án đã có vốn đầu tư, nhưng công tác lập các thủ tục để triển khai dự án như công tác đấu thầu còn gặp nhiều khó khăn, cần nhiều thời gian, vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án;

- Nhiều trường hợp lập kế hoạch đúng, rất cần thiết, có lộ trình thực hiện, nhưng do ngân sách đầu tư không đảm bảo hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai đã phải dừng lại, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của nhiều cơ quan còn bị động do không chủ động được nguồn vốn đầu tư. Nhiều công trình, dự án cấp bách được Thủ tướng chấp thuận đầu tư, nhiều dự án rất cần thiết với tình hình thực tế, nhưng do việc huy động vốn đầu tư hoặc thiếu vốn đầu tư nên không đăng ký kịp thời trong thời gian lập kế hoạch; khi có vốn để thực hiện thì danh mục công trình không nằm trong kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt nên không thực hiện được mà các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh hoặc không điều chỉnh;

### **2. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2021**

Nguyên nhân chính dẫn đến các tồn tại trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là do thiếu nguồn vốn và cơ sở pháp lý để triển khai dự án, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

- Do những nhu cầu phát sinh trong tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương dẫn đến một số dự án cần thực hiện sớm hơn kế hoạch hoặc một số dự án chưa đủ điều kiện thực hiện ngay trong năm kế hoạch.

- Do việc quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở một số xã chưa chặt chẽ nên vẫn còn tồn tại việc sử dụng đất sai mục đích so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thiếu vốn đầu tư đồng bộ, vốn ngân sách gặp nhiều khó khăn và nhất là vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới còn rất hạn chế. Vì vậy, chưa đưa ra được các giải pháp thực hiện đồng bộ và triệt để nên một số chỉ tiêu quy hoạch thực hiện chậm và kéo dài.



- Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chuyên ngành chưa được tiến hành đồng bộ, các quy hoạch chuyên ngành như nông nghiệp, xây dựng, giao thông, v.v...

### PHẦN III LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

#### I. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

##### 1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

##### 2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

##### 2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

**Biểu 08: Danh mục các công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện (công trình chuyển tiếp 2022):**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Mở rộng trụ sở công an huyện và trụ sở công an các xã, thị trấn	4,88	
1,1	Thu hồi đất công ty TNHH MTV cao su Chư Păh để mở rộng trụ sở công an huyện	2,00	Thị trấn Phú Hòa
1,2	Xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn	2,88	Các xã, thị trấn
2	Đất xây dựng khu vực huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh và bãi vật cản thể lực tổng hợp (Thu hồi đất công ty TNHH MTV cao su Chư Păh)	1,00	thị trấn Phú Hòa
3	Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly	13,51	Ia Ly, Ia Kreng, Ia Mơ Nông
4	Dự án Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp (Xây dựng trạm biến áp và khu vận hành; Hành lang tuyến đường dây 500kV; Sân phân phối 500 kV)	628,00	Thị trấn Ia Ly
5	Hồ chứa nước Ia Prat	27,00	Ia Khuol
6	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai	0,02	Ia Phí, Ia Ka
7	Đường Nguyễn Văn Linh, đường Lê Lợi và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn.	15,00	Thị trấn Phú Hòa
8	Quy hoạch khu dân cư và công trình công cộng phía Bắc đường Hùng Vương	50,00	
9	Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý nhằm thực hiện quy hoạch sử dụng đất	2,00	
10	Thu hồi đất để xây dựng sân bóng của xã và Trụ sở cơ quan và Hội trường thôn	1,73	Hòa Phú
11	Khu công viên xanh	0,91	Nghĩa Hưng
12	Nhà văn hóa đa năng	0,30	Nghĩa Hưng
13	Trạm y tế xã Đăk Tơ Ver	0,50	Đăk Tơ Ver



14	Thủy điện Đăk Pô Kei	10,25	Xã Hà Tây
----	----------------------	-------	-----------

**Biểu 09: Danh mục các công trình thu hút đầu tư chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022:**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	53,91	Xã Ia Khrol
2	Đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch	0,10	thị trấn Ia Ly
3	Dự án xây dựng siêu thị	1,30	Thị trấn Ia Ly
4	Trung tâm giết mổ gia súc gia cầm	2,00	Nghĩa Hưng, TT Phú Hòa
5	Bến xe huyện	2,00	Thị trấn Phú Hòa
6	Bến xe	1,50	Thị trấn Ia Ly
7	Siêu thị trung tâm thương mại	0,29	Ia Nhin, Ia Ka
8	Trạm dừng nghỉ liên hợp	3,00	Xã Ia Khrol
9	Siêu thị mi ni	0,17	Nghĩa Hưng
10	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	2,00	Xã Ia Khrol
11	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan và cà phê bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình UTZ, 4C, VietGap)	2,00	Trên địa bàn huyện
12	Nhà máy chế biến tiêu hạt và tiêu bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình VietGap)	2,00	Trên địa bàn huyện
13	Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su và gỗ rừng sản xuất	2,00	Xã Ia Khrol
14	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật bằng công nghệ sinh học	2,00	Xã Ia Khrol
15	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt	2,00	Xã Ia Khrol
16	Nhà máy rác thải	5,00	Hòa Phú, Ia Ly
17	Nhà máy sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm từ mũ cao su	2,00	Trên địa bàn huyện
18	Dự án trồng rừng, chuyển mục đích để trồng rừng	2000,00	Trên địa bàn huyện
19	Dự án chăn nuôi heo tập trung, gia cầm công nghệ cao	20,00	Trên địa bàn huyện
20	Khu du lịch sinh thái Lâm viên Biển Hồ	50,00	Nghĩa Hưng
21	Dự án tổ hợp du lịch quốc tế núi lửa Chư Đăng Ya-Biển Hồ	6.000,00	Chư Đăng Ya, Nghĩa Hưng
22	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón vô cơ	2,00	Ia Khrol
23	Khu du lịch sinh thái Ia Ly	15,00	Thị trấn Ia Ly
24	Khu du lịch thác công chúa	100,00	xã Ia Mơ Nông



**Biểu 10: Danh mục các công trình khác chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022:**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Khu đất cao su trong khu vực Nhà máy thủy điện Hà Tây Chư Păh	2,71	Xã Hà Tây
2	Mặt bằng sân công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Hiệp Lợi	1,00	Xã Ia Kreng
3	Mặt bằng sân công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Hoàng Long	3,50	Thị trấn Ia Ly

**2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2022****Biểu 11: Danh mục các công trình đăng ký mới trong kế hoạch năm 2022**

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Khôi phục khả năng vận hành đường dây 110 kV khu vực Gia Lai năm 2022	0,04	Hòa Phú
2	Đường hành lang kinh tế phía Đông (Đường tránh Quốc lộ 19)	21,26	Xã Nghĩa Hưng
3	Mỏ cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	3,00	Xã Hà Tây
4	Dự án chế biến đá xây dựng	1,07	Ia Nhin
5	Mỏ đá Granit (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	10,60	Xã Ia Nhin (5ha), Ia Ka (5,6 ha)
6	Mỏ đất san lấp	6,0	Đăk Tơ Ver
7	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện	0,15	Thị trấn Phú Hòa
8	Trường Mầm non Ia Khuol	0,50	Ia Khuol
9	Giao đất xây dựng Chùa Phước Thành	0,87	Ia Nhin
10	Giao đất xây dựng chùa Tịnh Xá Ngọc Như	0,49	TT Phú Hòa
9	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất tại Chư Đang Ya	910,00	Chư Đang Ya
10	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất tại Hà Tây	1339,00	Hà Tây
11	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất tại TT Phú Hòa	1,41	TT Phú Hòa
12	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất Ia Khuol	128,00	Ia Khuol
13	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất Ia Phí	9,00	Ia Phí
14	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất Đăk Tơ Ver	248,00	Đăk Tơ Ver



15	Giao rừng kết hợp với giao đất, cho thuê đất Ia Ka	8	Ia Ka
16	Cho thuê đất, giao đất để thực hiện dự án Đường dây 500 kV Dốc sỏi-Pleiku 2 (Đoạn qua địa bàn huyện Chư Păh)	1,90	Ia Khuról, Hòa Phú, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng và TT Phú Hòa
17	Cho thuê đất, giao đất để thực hiện dự án nâng cao khả năng vận hành đường dây 110kV khu vực Gia Lai năm 2021 và Trạm biến áp 110kV Ia Grai và nhánh rẽ đoạn qua địa bàn huyện Chư Păh	0,07	Hoà Phú, TT Phú Hoà và Nghĩa Hưng
18	Khu sinh thái cao cấp tái tạo sức khỏe Gènh Đá Đĩa	92,32	Thị trấn Ia Ly, xã Ia Phí
19	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa ẩm thực Chư Păh, Gia Lai	4,44	Xã Hòa Phú
20	Khu du lịch sinh thái và dịch vụ, nghỉ dưỡng hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	8,50	Thị trấn Phú Hòa
21	Dự án Trung tâm thương mại	1,30	Thị trấn Phú Hòa

### 3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021- 2025; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và nhu cầu sử dụng đất của các ban, ngành trên địa bàn huyện, các địa phương cấp xã năm 2022. Cân đối diện tích đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Chư Păh như sau:

#### 3.1. Nhóm đất nông nghiệp:

Căn cứ vào nguồn lực đầu tư để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tiến độ triển khai thực hiện dự án, kế hoạch sử dụng nhóm đất nông nghiệp cụ thể như sau:

**Biểu 12: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã**

TT	Tên xã, thị trấn	Đất nông nghiệp (ha)		
		HT 2021	KH, 2022	(+/-)
1	Xã Chư Đăng Ya	4.750,65	4.948,85	198,20
2	Xã Nghĩa Hưng	3.271,79	3.177,88	-93,91
3	Xã Nghĩa Hòa	2.129,11	2.128,68	-0,43
4	Xã Ia Ka	10.773,65	10.773,41	-0,24
5	Xã Ia Nhin	2.853,34	2.842,47	-10,87
6	Xã Ia Mơ Nông	4.681,41	4.632,64	-48,77
7	TT Ia Ly	2.593,69	2.463,58	-130,11
8	Xã Ia Kreng	8.882,20	8.878,72	-3,48
9	Xã Hòa Phú	5.089,75	5.077,29	-12,46
10	Xã Ia Khuról	8.241,91	8.327,52	85,61
11	Xã Ia Phí	6.363,38	6.336,88	-26,50



TT	Tên xã, thị trấn	Đất nông nghiệp (ha)		
		HT 2021	KH, 2022	(+/-)
12	Xã Đăk Tơ Ver	3.400,41	3.536,80	136,39
13	Xã Hà Tây	21.059,65	21.542,26	482,61
14	TT Phú Hòa	1.988,73	1.947,85	-40,88
	<b>Cộng</b>	<b>86.079,68</b>	<b>86.614,83</b>	<b>535,15</b>

### 2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa năm 2021 là 4.652,8 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 12,04 ha (đất chuyên trồng lúa nước 2,0 ha) (toàn bộ diện tích đất lúa này chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và dự án kêu gọi thu hút đầu tư) để chuyển sang đất phát triển hạ tầng thực hiện các dự án: Khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái thác Công Chúa tại xã Ia Mơ Nông (2,54 ha); Hồ chứa nước Ia Prat tại xã Ia Khuol (9,5 ha).

Đất trồng lúa năm 2022 là 4.640,76 ha, chiếm 4,77% diện tích đất tự nhiên. Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước năm 2022 có 2.002,13 ha.

### 2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2021 là 13.383,44 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha,

- Diện tích thực giảm là 976,14 ha để chuyển sang các mục đích sau:

- Chuyển sang đất rừng sản xuất 762,73 ha trong đó: tại xã Chư Đang Ya, diện tích (203,73 ha); tại xã Ia Phí (9,0 ha); xã Đăk Tơ Ver (50 ha); xã Hà Tây (500 ha);

- Chuyển sang đất nông nghiệp khác (66,4 ha), trong đó: tại xã Chư Đang Ya, diện tích (1,0 ha); tại xã Nghĩa Hưng diện tích (3,6 ha); tại xã Ia Ka (2,8 ha); tại xã Ia Khuol (3,0 ha); tại xã Đăk Tơ Ver (19,0 ha); tại xã Hà Tây (37,0 ha);

- Chuyển sang đất phi nông nghiệp 47,01 ha, trong đó: đất thương mại-dịch vụ (6,1 ha); đất cơ sở sản xuất kinh doanh (1,09 ha); đất hoạt động khoáng sản (11,5 ha); đất sản xuất vật liệu gốm sứ (4,5 ha); đất phát triển hạ tầng (119,23 ha); đất danh lam thắng cảnh (2,0 ha); đất ở nông thôn (1,48ha); đất ở đô thị (0,14 ha); đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (0,06 ha); đất khu vui chơi giải trí (0,91 ha).

- Đất trồng cây hàng năm khác 2022 là 12.407,30ha, chiếm 12,76% diện tích tự nhiên.

### 2.1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm:

Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2021 là 38.293,16 ha;

- Diện tích thực tăng là 0ha;

- Diện tích thực giảm là 990,9 ha để chuyển sang các mục đích sau:

- Chuyển sang đất rừng sản xuất 592,52 ha trong đó: tại xã Chư Đang Ya, diện tích (203,72 ha); tại xã Đăk Tơ Ver (50 ha); xã Hà Tây (338,8 ha);



- Chuyển sang đất nông nghiệp khác (7,0 ha) tại thị trấn Phú Hòa;
- Chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp 391,38 ha, trong đó: đất quốc phòng (1,0 ha); đất an ninh (3,62 ha); đất thương mại dịch vụ (76,13ha); đất cơ sở sản xuất kinh doanh (36,35 ha); đất hoạt động khoáng sản (24,8 ha); đất sản xuất vật liệu gốm sứ (4,75 ha); đất hạ tầng kỹ thuật (107,92 ha); đất danh lam thắng cảnh (43,86 ha); đất ở nông thôn (27,11 ha); đất ở đô thị (13,94 ha); đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (0,2 ha); đất khu vui chơi giải trí (1,7 ha), đất hỗn hợp và đất phi nông nghiệp khác (50 ha).

Đất trồng cây lâu năm năm 2022 là 37.302,26 ha, chiếm 38,37% diện tích tự nhiên.

#### **2.1.4. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ:**

Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2021 là 13.939,04 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 2,02 ha đất rừng tự nhiên để chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly (đất phát triển hạ tầng kỹ thuật).

Đất rừng phòng hộ năm 2022 là 13.937,02 ha, chiếm 14,34% diện tích tự nhiên.

#### **2.1.5. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất:**

Diện tích đất rừng sản xuất năm 2021 là 15.602,63 ha;

- Diện tích thực tăng là 2.443,42 ha, được chuyển từ đất trồng cây hàng năm (762,73 ha); đất trồng cây lâu năm (592,52 ha); chưa sử dụng vào sử dụng (1.088,17 ha) để thực hiện các dự án trồng rừng trên địa bàn huyện;

- Diện tích thực giảm là 0,57 ha đất rừng tự nhiên để chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly (đất phát triển hạ tầng kỹ thuật).

Đất rừng sản xuất năm 2022 là 18.045,48 ha, chiếm 18,56% diện tích tự nhiên.

#### **2.1.6. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản:**

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2021 là 150,24 ha;

Đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 không thay đổi so với năm 2021, diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 là 150,24 ha, chiếm 0,15% diện tích tự nhiên.

#### **2.1.7. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác:**

Đất nông nghiệp khác năm 2021 là 58,39 ha;

- Diện tích thực giảm là 0 ha;

- Diện tích thực tăng là 73,4 ha tại các xã, thị trấn để phát triển các trang trại nông nghiệp công nghệ cao theo Nghị quyết Đảng bộ huyện giai đoạn 2020-2025; được lấy từ đất trồng cây hàng năm là 66,4 ha (Trong đó: tại xã Chư Đàng Ya, diện tích (1,0ha); tại xã Nghĩa Hưng diện tích (3,6 ha); tại xã Ia Ka (2,8 ha); tại xã Ia Khuol (3,0 ha); tại xã Đăk Tơ Ver (19,0 ha); tại xã Hà Tây (37,0 ha),); được lấy từ đất trồng cây lâu năm là 7 ha tại thị trấn Phú Hòa (7,0 ha);



Đất nông nghiệp khác của huyện năm 2022 là 131,79 ha, chiếm 0,14% diện tích đất tự nhiên.

## 2.2. Nhóm đất phi nông nghiệp.

Căn cứ vào nguồn lực đầu tư để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tiến độ triển khai thực hiện dự án, công trình đã thực hiện và chưa thực hiện trong các năm 2019, 2020 và 2021; đề xuất nhu cầu của các cơ quan, ban ngành cũng như UBND các xã thị trấn. Chỉ tiêu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp cho năm kế hoạch 2022 như sau:

**Biểu 13: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã**

TT	Tên xã, thị trấn	Đất phi nông nghiệp (ha)		
		HT 2021	KH, 2022	(+/-)
1	Xã Chư Đang Ya	191,76	298,06	106,3
2	Xã Nghĩa Hưng	547,82	641,73	93,91
3	Xã Nghĩa Hòa	149,92	150,35	0,43
4	Xã Ia Ka	259,45	267,36	7,91
5	Xã Ia Nhin	226,22	237,09	10,87
6	Xã Ia Mơ Nông	259,46	311,09	51,63
7	TT Ia Ly	2.060,70	2.198,84	138,14
8	Xã Ia Kreng	567,14	573,13	5,99
9	Xã Hòa Phú	221,68	234,14	12,46
10	Xã Ia Khuol	348,25	390,94	42,69
11	Xã Ia Phí	273,07	299,57	26,5
12	Xã Đăk Tơ Ver	153,18	164,79	11,61
13	Xã Hà Tây	568,67	586,06	17,39
14	TT Phú Hòa	216,08	256,96	40,88
	<b>Cộng</b>	<b>6.043,39</b>	<b>6.610,10</b>	<b>566,71</b>

**Trong đó:**

### 2.2.1. Đất quốc phòng:

Diện tích đất quốc phòng năm 2021 là 38,76 ha;

- Diện tích thực tăng là 1,0 ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm (1,0 ha) để xây dựng khu vực huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh và bãi vật cản thể lực tổng hợp tại thị trấn Phú Hòa.

- Diện tích thực giảm là 0 ha;

Diện tích đất quốc phòng năm 2022 là 39,76 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên.

### 2.2.2. Đất an ninh:

Diện tích đất an ninh năm 2021 là 1,24 ha;

- Diện tích thực tăng là 4,68 ha, được lấy từ đất trồng cây lâu năm (3,62 ha), đất cơ sở văn hóa (0,2 ha), cơ sở y tế (0,18 ha); đất cơ sở giáo dục (0,14ha), đất xây dựng trụ sở cơ quan (0,36 ha), đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (0,18 ha) để bố trí cho



các công trình Mở rộng trụ sở công an huyện tại thị trấn Phú Hòa, diện tích 2,0 ha và trụ sở công an các xã, thị trấn 2,68 ha;

- Diện tích thực giảm là 0 ha;

Diện tích đất an ninh năm 2022 là 5,92 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

### **2.2.3. Đất cụm công nghiệp:**

Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2021 là 52,3 ha;

Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2022 là 52,3 ha (toàn bộ diện tích là này đã được giải phóng mặt bằng quy hoạch cụm công nghiệp; có 24,3 ha đã được cho thuê sử dụng, còn lại 28 ha đất trồng đưa vào kế hoạch cho thuê đất năm 2022), giữ nguyên như hiện trạng năm 2021, chiếm 0,05% diện tích đất tự nhiên.

### **2.2.4. Đất thương mại dịch vụ:**

Diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2021 là 16,37 ha;

- Diện tích thực tăng là 90,29 ha, được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác (6,1 ha), cây lâu năm diện tích (76,13 ha), đất sản xuất kinh doanh (4,24 ha), đất ở (1,0 ha), đất xây dựng trụ sở cơ quan (0,65 ha), đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (0,5ha); đất phi nông nghiệp khác (1,67 ha) tại địa bàn các xã, thị trấn để thực hiện các dự án: Khu sinh thái cao cấp tái tạo sức khỏe Gènh Đá Đĩa tại xã Ia Phí và thị trấn Ia Ly, Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa ẩm thực Chư Păh, Gia Lai tại xã Hòa Phú và các dự án khác trên địa bàn huyện...

- Diện tích thực giảm là 0 ha;

Diện tích đất thương mại dịch vụ năm 2022 là 106,66 ha, chiếm 0,11% diện tích đất tự nhiên.

### **2.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2021 là 45,14 ha;

- Diện tích thực tăng 37,86 ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm (36,35 ha); đất trồng cây hàng năm (1,09 ha), đất bãi thải, xử lý chất thải (0,32 ha); đất chưa sử dụng (0,1 ha).

- Diện tích thực giảm là 4,24 ha chuyển sang đất thương mại dịch vụ;

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 là 78,76 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

### **2.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:**

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2021 là 40,79 ha;

- Diện tích thực tăng 37,8 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 11,5 ha; đất trồng cây lâu năm (24,8 ha) và đất sông suối (1,5 ha);

- Diện tích thực giảm là 0 ha;

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2022 là 78,59 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.



### **2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm:**

*Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm năm 2021 là 31,13 ha;*

- *Diện tích thực tăng 10 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 4,5 ha; đất trồng cây lâu năm (4,75 ha) và đất sông suối (0,75 ha);*

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

*Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm năm 2022 là 41,13 ha, chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên.*

### **2.2.8. Đất phát triển hạ tầng các cấp:**

*Diện tích đất phát triển hạ tầng các cấp năm 2021 là 4.417,04 ha;*

- *Diện tích thực tăng là 259,37 ha, lấy từ đất trồng lúa 9,5 ha; đất trồng cây hàng năm khác 119,23 ha; đất trồng cây lâu năm 107,92 ha; đất rừng phòng hộ 2,02 ha, đất rừng sản xuất 0,57 ha (2,59 ha đất có rừng tự nhiên); đất ở nông thôn 0,27 ha; đất ở đô thị 1,0 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 5,29 ha; đất mặt nước chuyên dùng 0,24 ha; đất chưa sử dụng 13,1 ha.*

- *Diện tích thực giảm là 1,07 ha;*

*Diện tích đất phát triển hạ tầng các cấp năm 2022 là 4.675,34 ha, chiếm 4,81% diện tích tự nhiên.*

#### **Trong đó:**

##### **a) Đất phát triển giao thông:**

*Diện tích tăng so với năm 2021 là 37,76 ha, được lấy từ đất trồng cây lâu năm (35 ha), đất ở nông thôn (0,26 ha), đất ở đô thị (1,0 ha). Diện tích tăng để xây dựng các công trình sau:*

*\* Các dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch 2021:*

- *Đường Nguyễn Văn Linh, đường Lê Lợi và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn Phú Hòa;*

- *Bến xe thị trấn Ia Ly theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 03/08/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.*

*\* Các dự án đăng kí mới năm 2022:*

- *Đường hành lang kinh tế phía Đông (Đường tránh Quốc lộ 19).*

*Đất phát triển giao thông năm 2022 là 1.319,27 ha, chiếm 1,36% diện tích tự nhiên.*

##### **b) Đất thủy lợi:**

*Diện tích tăng so với năm 2021 là 27 ha, lấy từ đất trồng lúa (9,5 ha); đất cây hàng năm khác (4,05 ha); đất trồng cây lâu năm (9,37 ha); đất sông suối (3,78 ha), đất chưa sử dụng (0,3 ha) để xây dựng công trình hồ chứa nước Ia Prat tại xã Ia Khuol.*

*Đất thủy lợi năm 2022 là 428,85 ha, chiếm 0,44% diện tích tự nhiên.*

##### **c) Đất cơ sở văn hóa:**



*Diện tích đất cơ sở văn hóa giảm 0,2 so với năm 2021 do chuyển sang xây dựng trụ sở công an xã.*

*Đất cơ sở văn hóa năm 2022 là 7,93 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.*

d) Đất cơ sở y tế:

*Diện tích tăng so với năm 2021 là 0,09 ha. Trong đó:*

- Thực tăng 0,5 ha lấy từ đất cây hàng năm khác (0,1 ha); đất trồng cây lâu năm (0,4ha) để xây dựng trạm y tế xã Đăk Tơ Ver.

- Thực giảm 0,41 ha do chuyển trạm y tế cũ của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh sang xây dựng Trụ sở công an xã Ia Nhin, và chuyển đất trạm y tế cũ xã Ia Khuol để xây dựng Trường Mầm non xã Ia Khuol.

*Đất cơ sở y tế năm 2022 là 7,93 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.*

e) Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:

- *Diện tích tăng 0,36 ha so với năm 2021. Trong đó thực tăng là 0,5 ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm (0,27ha), đất y tế (0,23 ha) để xây dựng trường mầm non xã Ia Khuol; thực giảm là 0,14 ha để chuyển sang đất trụ sở công an xã Ia Ka.*

*Đất cơ sở giáo dục năm 2022 là 67,580 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên.*

g) Đất cơ sở thể dục thể thao:

*Diện tích tăng so với năm 2021 là 1,2ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm để giao đất xây dựng sân bóng xã Hòa Phú (dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch 2021).*

*Đất cơ sở thể dục thể thao năm 2022 là 39,76 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên.*

h) Đất công trình năng lượng:

*Diện tích tăng so với năm 2021 là 81,84 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm (15,08 ha); đất trồng cây lâu năm (55,11 ha); đất quy hoạch phòng hộ (2,02 ha), đất quy hoạch rừng sản xuất (0,57 ha); đất ở nông thôn (0,01 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (1,51 ha); đất có mặt nước chuyên dùng (0,24 ha); Đất chưa sử dụng (7,3 ha) để bố trí cho các dự án:*

\* Các dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch 2021:

- Dự án 110 kv Ia Grai-Nhánh rẽ;
- Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1);
- Dự án thủy điện Đăk Pôkei;
- Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly;
- Dự án Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp (Xây dựng trạm biến áp và khu vận hành; Hành lang tuyến đường dây 500kV; Sân phân phối 500 kV)

\* Các dự án đăng kí mới năm 2022:

- Dự án khôi phục khả năng vận hành đường dây 110 kV khu vực Gia Lai năm 2022





*Đất năng lượng năm 2022 là 2.539,49 ha, chiếm 2,61% diện tích tự nhiên.*

f) Đất công trình bưu chính viễn thông:

Năm 2022, diện tích đất sử dụng cho công trình bưu chính viễn thông không thay đổi so với năm 2021.

*Đất công trình bưu chính viễn thông năm 2022 là 1,41 ha, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên.*

i) Đất di tích lịch sử-văn hóa:

*Diện tích đất di tích lịch sử-văn hóa năm 2021 là 0 ha;*

*- Diện tích thực tăng là 100 ha để phát triển Di tích núi lửa Chư Đăng Ya;*

*Diện tích đất di tích lịch sử-văn hóa 2022 là 100 ha, chiếm 0,1% diện tích tự nhiên.*

k) Đất bãi thải, xử lý chất thải:

*Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2021 là 4,84 ha;*

*- Diện tích thực tăng là 9,0 ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm (5,0 ha); đất chưa sử dụng 4,0 ha.*

*- Diện tích thực giảm là 0,32 ha;*

*Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 là 13,52 ha, chiếm 0,01 diện tích đất tự nhiên.*

l) Đất cơ sở tôn giáo:

*Diện tích tăng so với năm 2021 là 1,57ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm để giao đất xây dựng Chùa Phước Thành tại xã Ia Nhin, tỉnh xá Ngọc Như tại thị trấn Phú Hòa và Chùa Quảng Đức tại xã Nghĩa Hưng.*

*Diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2022 là 15,7 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên.*

m) Đất nghĩa địa:

Năm 2022, diện tích đất nghĩa địa không thay đổi so với năm 2021.

*Đất nghĩa địa năm 2022 là 131,8 ha, chiếm 0,14% diện tích tự nhiên.*

n) Đất chợ:

Năm 2022, diện tích đất chợ không thay đổi so với năm 2021.

*Đất chợ năm 2022 là 2,11ha, chiếm 0,002% diện tích tự nhiên.*

### **2.2.9. Đất danh lam thắng cảnh**

*Diện tích đất danh lam thắng cảnh năm 2021 là 0 ha;*

*- Diện tích thực tăng là 53,9 ha để phát triển du lịch cộng đồng tại Núi lửa xã Chư Đăng Ya, khu nghỉ dưỡng du lịch thác công chúa tại xã Ia Mơ Nông, được lấy từ đất trồng lúa (2,54 ha), đất trồng cây hàng năm (2,0 ha), đất trồng cây lâu năm (43,86 ha), đất sông suối (5,0 ha), đất chưa sử dụng (0,5 ha);*



*Diện tích đất danh lam thắng cảnh 2022 là 53,9 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên.*

### **2.2.10. Đất sinh hoạt cộng đồng:**

*Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2021 là 22,03 ha;*

*Đất sinh hoạt cộng đồng năm 2022 không thay đổi so với hiện trạng 2021, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.*

### **2.2.11. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**

*Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2021 là 3,66 ha;*

*- Diện tích thực tăng là 2,61 ha để từ đất trồng cây hàng năm (0,91 ha), đất trồng cây lâu năm (1,7 ha) để xây dựng công viên xã Nghĩa Hưng và công viên trung tâm thị trấn Ia Ly.*

*Đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2022 là 6,27 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.*

### **2.2.12. Đất ở tại nông thôn:**

*Diện tích đất ở nông thôn năm 2021 là 665,55 ha;*

*- Diện tích thực tăng là 28,58 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác (1,48 ha); đất trồng cây lâu năm (27,11 ha) để bố trí dân dân và chuyển mục đích sử dụng trong các khu dân cư trên toàn huyện như sau: Chuyển mục đích (Giãn dân tách hộ) tại các xã khác, trong đó: xã Chư Đăng Yar (1,0 ha); xã Nghĩa Hưng (14,83 ha), Nghĩa Hòa (0,23 ha); xã Ia Ka (0,9 ha); xã Ia Nhin (1,5 ha); xã Ia Mơ Nông (0,9 ha); xã Hòa Phú (1,6 ha); xã Ia Khuol (2,5 ha); xã Ia Phí (3,0ha); xã Đăk Tơ Ver (1,8 ha); xã Hà Tây (0,32 ha).*

*- Diện tích thực giảm là 1,27 ha để chuyển sang đất thương mại-dịch vụ và đất phát triển hạ tầng.*

*Diện tích đất ở nông thôn năm 2022 là 692,86 ha, chiếm 0,71% diện tích tự nhiên.*

### **2.2.13. Đất ở tại đô thị:**

*Diện tích đất ở đô thị năm 2021 là 140,07 ha;*

*- Diện tích thực tăng là 14,08 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác (0,08 ha); đất trồng cây lâu năm (14 ha) để bố trí cho các dự án phát triển dân cư tại thị trấn Phú Hòa (phía Bắc đường Nguyễn Văn Linh và chuyển mục đích để giãn dân) và thị trấn Ia Ly, bao gồm:*

1) Quy hoạch khu dân cư và công trình công cộng phía Bắc đường Hùng Vương tại thị trấn Phú Hòa;

2) Chuyển mục đích giãn dân đối với diện tích đất nông nghiệp phù hợp quy hoạch sử dụng đất tại thị trấn Phú Hòa và thị trấn Ia Ly;

*- Diện tích thực giảm là 1,0 ha để chuyển sang đất phát triển hạ tầng kỹ thuật.*

*Diện tích đất ở đô thị năm 2022 là 153,15 ha, chiếm 0,16 % diện tích tự nhiên.*



#### **2.2.14. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2021 là 13,71 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha.

- Diện tích thực giảm là 1,01 ha để chuyển sang đất Trụ sở công an các xã, thị trấn (0,36 ha); chuyển sang đất thương mại-dịch vụ (0,65 ha).

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 là 12,7ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

#### **2.2.15. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:**

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2021 là 7,83 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha.

- Diện tích thực giảm là 0,68 ha để chuyển sang đất Trụ sở công an các xã, thị trấn (0,18 ha); chuyển sang đất thương mại-dịch vụ (0,5 ha).

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 2022 là 7,41ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

#### **2.2.16. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2021 là 441,74 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 12,54 ha để chuyển sang đất phát triển hạ tầng;

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2022 là 429,2 ha, chiếm 0,44% diện tích đất tự nhiên.

#### **2.2.17. Đất có mặt nước chuyên dùng:**

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2021 là 77,2 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 0,24 ha để chuyển sang đất phát triển hạ tầng;

Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2022 là 76,96 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

#### **2.2.18. Đất phi nông nghiệp khác:**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2021 là 28,82 ha;

- Diện tích thực tăng là 50 ha, lấy từ đất trồng cây lâu năm.

- Diện tích thực giảm là 1,67 ha chuyển sang đất thương mại-dịch vụ;

Diện tích đất phi nông nghiệp khác 2022 là 77,15 ha, chiếm 0,08% diện tích tự nhiên.

### **2.3. Nhóm đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2021 là 5.098,3 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 1.101,87 ha để chuyển sang các mục đích sau: Chuyển



sang đất trồng rừng sản xuất (1.088,17ha), đất sản xuất kinh doanh (0,1 ha); đất danh lam thắng cảnh (0,5 ha) và đất phát triển hạ tầng (13,1 ha).

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 còn lại là 3.996,43 ha, chiếm 4,11% diện tích đất tự nhiên.

**Biểu 14: Kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng theo đơn vị hành chính cấp xã**

TT	Tên xã, thị trấn	Đất chưa sử dụng (ha)		
		HT, 2021	KH, 2022	(+/-)
1	TT Phú Hòa	289,21	289,21	0,00
2	Xã Chư Đang Ya	475,85	171,35	-304,50
3	Xã Nghĩa Hưng	169,41	169,4	-0,01
4	Xã Nghĩa Hòa	0,68	0,69	0,01
5	Xã Ia Ka	387,56	379,89	-7,67
6	Xã Ia Nhin	66,24	66,25	0,01
7	Xã Ia Mơ Nông	278,16	275,3	-2,86
8	TT Ia Ly	33,01	24,99	-8,02
9	Xã Ia Kreng	1.699,81	1.697,30	-2,51
10	Xã Hòa Phú	273,06	273,05	-0,01
11	Xã Ia Khuol	580,6	452,31	-128,29
12	Xã Ia Phí	0	0	0,00
13	Xã Đăk Tơ Ver	209,27	61,28	-147,99
14	Xã Hà Tây	635,43	135,4	-500,03
	<b>Cộng</b>	<b>5.098,3</b>	<b>3.996,43</b>	<b>-1.102,87</b>

## 2. Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội kỳ cuối 2020- 2025 và nhu cầu sử dụng đất của các ban, ngành trên địa bàn huyện, các địa phương cấp xã năm 2022. Cân đối diện tích đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Chư Păh như sau:

**Biểu 15: Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2021	Diện tích Kế hoạch 2022	Tăng/giảm 2022/2021
			Tổng diện tích (ha)	Tổng diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(5)	(9)=11+12+...	
<b>I</b>	<b>LOẠI ĐẤT</b>		<b>100,00</b>	<b>97.221,37</b>	-
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>88,54</b>	<b>86.614,84</b>	535,16
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4,79	4.640,76	-12,04
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2,06</i>	<i>2.002,13</i>	<i>-2,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13,77	12.407,30	-976,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	39,39	37.302,26	-990,90
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	14,34	13.937,02	-2,02
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	16,05	18.045,48	2.442,85
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		<i>13.488,35</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,15	150,24	-
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,06	131,79	73,40
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6,22</b>	<b>6.610,10</b>	566,71
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,04	39,76	1,00
2.2	Đất an ninh	CAN	0,00	5,92	4,68
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,05	52,30	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,02	106,66	90,29
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,05	78,76	33,62
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,04	78,59	37,80
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	0,03	41,13	10,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,54	4.675,34	258,30
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1,32</i>	<i>1.319,27</i>	<i>37,76</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,41</i>	<i>428,84</i>	<i>27,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,01</i>	<i>7,93</i>	<i>-0,20</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,01</i>	<i>7,93</i>	<i>0,09</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>0,07</i>	<i>67,58</i>	<i>0,36</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>0,04</i>	<i>39,76</i>	<i>1,20</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>2,53</i>	<i>2.539,49</i>	<i>81,84</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,00</i>	<i>1,41</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	<i>0,00</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,00</i>	<i>13,52</i>	<i>8,68</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>0,01</i>	<i>15,70</i>	<i>1,57</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>0,14</i>	<i>131,81</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>0,00</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>0,00</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>0,00</i>	<i>2,11</i>	<i>-</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	53,90	53,90



2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,02	22,03	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,00	6,27	2,61
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,68	692,86	27,31
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,14	153,15	13,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,01	12,70	-1,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,01	7,41	-0,42
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,00	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,45	429,20	-12,54
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,08	76,96	-0,24
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,03	77,15	48,33
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5,24</b>	<b>3.996,43</b>	<b>-1.101,87</b>

## II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Trong năm kế hoạch 2022, tổng diện tích đất chuyển mục đích là 1.981,66 ha để phục vụ cho các công trình, dự án. Cụ thể như sau:

### 1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

Trong năm kế hoạch 2022, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 553,01 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển 12,04 ha để chuyển sang các mục đích: Hồ chứa nước Ia Pa Prat, xã Ia Khuol (9,5 ha), đất danh lam-thắng cảnh (2,54ha);

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển 147,01 ha sang các mục đích: đất thương mại-dịch vụ (6,1 ha); đất cơ sở sản xuất kinh doanh (1,09 ha); đất khai thác khoáng sản (11,5 ha); đất sản xuất vật liệu gốm sứ (4,5 ha); đất phát triển hạ tầng (119,23 ha); đất danh lam thắng cảnh (2,0 ha); đất ở nông thôn (1,48 ha); đất ở đô thị (0,14 ha); đất xây dựng trụ sở của các đơn vị sự nghiệp (0,06 ha); đất khu vui chơi, giải trí công cộng (0,91 ha).

- Đất trồng cây lâu năm chuyển 391,38 ha để chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp, trong đó: đất quốc phòng (1,0 ha); đất an ninh (3,62 ha); đất thương mại-dịch vụ (6,13 ha), đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (36,35 ha), đất hoạt động khoáng sản (24,8 ha); đất sản xuất vật liệu gốm sứ (4,75 ha); đất phát triển hạ tầng kỹ thuật (107,92 ha); đất danh lam thắng cảnh (43,86 ha); đất ở nông thôn (27,11 ha); đất ở đô thị (13,94 ha); đất xây dựng trụ sở của các đơn vị sự nghiệp (0,2 ha); đất khu vui chơi, giải trí công cộng (1,71 ha); đất phi nông nghiệp khác (50 ha).

- Đất quy hoạch rừng phòng hộ chuyển sang đất phát triển hạ tầng 2,02 ha để thực hiện dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly;

- Đất rừng sản xuất chuyển 0,57 ha để thực hiện dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly;

### 2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Trong năm kế hoạch 2022, diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nội bộ đất nông nghiệp là 1.428,65 ha, trong đó:



- Chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm sang đất rừng sản xuất 62,73 ha tại các xã: Hà Tây (500 ha); Chư Đăng Ya (203,72 ha); Ia Phí (9,0 ha); Đăk Tô Ver (50 ha);
- Chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác 66,4 ha tại các xã: Chư Đăng Ya (1,0 ha); Nghĩa Hưng (3,6 ha); Ia Ka (2,8 ha); Ia Khuol(3,0ha); Đăk Tô Ver (19,0ha); Hà Tây (37 ha).
- Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất rừng sản xuất 592,52 ha tại các xã: Chư Đăng Ya (203,72 ha); Đăk Tô Ver (50 ha); Hà Tây (338,8 ha).
- Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác 7 ha tại thị trấn Phú Hòa.

**Biểu 16: Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất theo năm 2022**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>553,01</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	12,04
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>2,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	147,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	391,38
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	2,02
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,57
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>1.428,65</b>
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất rừng	HNK/R	762,73
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	66,40
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất rừng	CLN/LNP	592,52
2.4	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	7,00

### III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI

Để thực hiện các dự án nhằm phát triển Kinh tế - Xã hội, kế hoạch năm 2022 cần thu hồi 1.690,18 ha, trong đó: đất nông nghiệp là 1.672,85ha; đất phi nông nghiệp là 17,33 ha để chuyển sang các công trình, dự án khác nhau. Cụ thể ở bảng dưới đây:

**Biểu 17: Diện tích đất cần thu hồi năm 2022**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
-----	----------------------	----	---------------------



<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.672,85</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	12,04
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	787,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	870,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,02
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,57
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>17,33</b>
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,07
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,27
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	1,00
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,36
2.5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,18
2.6	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	12,54
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	0,24

#### IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành cần khai thác 1.101,87 ha đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, phi nông nghiệp, cụ thể ở bảng dưới đây:

**Biểu 18: Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2022**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.088,17</b>
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	1.088,17
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>13,70</b>
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,10
2.2	Đất phát triển hạ tầng các cấp	DHT	13,10
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1,50</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,30</i>





-	Đất công trình năng lượng	DNL	7,30
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,00
2.3	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,50

## V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022:

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng đất 2022. Bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:

### 1. Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch:

- Mở rộng trụ sở công an huyện và trụ sở công an các xã, thị trấn với diện tích 4,88 ha. Trong đó:

+ Thu hồi đất để giao đất mở rộng trụ sở công an huyện: 2,0 ha tại thị trấn Phú Hòa;

+ Xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn với diện tích 2,68 ha;

- Đất xây dựng khu vực huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh và bãi vật cản thể lực tổng hợp (Thu hồi đất công ty TNHH MTV cao su Chư Păh) với diện tích 1,0 ha tại thị trấn Phú Hòa.

- Hồ chứa nước Ia Prat tại xã Ia Khươl với tổng diện tích 27 ha (gồm Đất trồng lúa 9,5 ha, Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm và đất lòng suối 17,5 ha).

- Đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại xã Chư Đang Ya với diện tích 3,1 ha đất trồng cây lâu năm, hàng năm;

- Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai tại xã Ia Phí, Ia Ka với diện tích 0,021 ha (gồm đất trồng cây lâu năm 70 m<sup>2</sup>, Đất trồng cây hàng năm 72 m<sup>2</sup>; Đất ở nông thôn 68 m<sup>2</sup>).

- Trạm y tế xã Đăk Tơ Ver với diện tích 0,5 ha đất trồng cây lâu năm;

- Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly: Diện tích 13,51 ha (gồm Đất chưa sử dụng 7,1 ha; Đất rừng tự nhiên: 3,5 ha (2,59 ha đất có rừng và 0,91 ha đất trống quy hoạch rừng sản xuất); Đất sản xuất nông nghiệp: 1,69ha; Đất khác: 0,68 ha; Đất trống có gỗ tái sinh: 0,18 ha; Đất mặt nước: 0,36 ha).

- Dự án Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp (Xây dựng trạm biến áp và khu vận hành; Hành lang tuyến đường dây 500kV; Sân phân phối 500 kV) với tổng diện tích 628 ha (gồm đất mặt nước 574 ha và Đất nông nghiệp 54 ha).

- Khôi phục khả năng vận hành đường dây 110 kV khu vực Gia Lai năm 2022 tại xã Hòa Phú với diện tích 0,04 ha đất trồng cây lâu năm;

- Đường hành lang kinh tế phía Đông (Đường tránh Quốc lộ 19) tại xã Nghĩa Hưng với diện tích 21,26 ha (Đất trồng cây lâu năm 21 ha, đất ở nông thôn 0,26 ha).

- Đường Nguyễn Văn Linh, đường Lê Lợi và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn với diện tích 15 ha đất trồng cây lâu năm, đất ở đô thị;



- Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý tại thị trấn Phú Hòa nhằm thực hiện quy hoạch sử dụng đất vào mục đích công cộng với diện tích 2,0 ha đất trồng cây lâu năm;

- Thu hồi đất để xây dựng sân bóng của xã và Trụ sở cơ quan và Hội trường thôn tại xã Hòa Phú với diện tích 1,73 ha (Đất trồng cây lâu năm 1,2 ha và đất y tế 0,53 ha của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh);

**2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đầu tư xây dựng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh:** Không

(Cụ thể danh mục các công trình, dự án tại biểu 07 phân phụ lục kèm theo).

## **VI. KHÁI TOÁN THU CHI TỪ ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2022**

### **1. Căn cứ pháp lý hình thành các nguồn thu, chi tài chính từ đất:**

Xác định thu chi tài chính từ đất trong năm kế hoạch 2021 dựa vào những căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định 47/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 37/2015/TT-BTNMT-BTC ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh Bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Quyết định 10/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

### **2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:**

- Dự kiến các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất; cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.
- Dự kiến các khoản chi về đất bao gồm: Chi cho việc bồi thường khi thu hồi đất, hỗ trợ và tái định cư.



### 3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

#### 3.1 Phương pháp tính:

Căn cứ Quyết định 10/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

#### 3.2 Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2022.

- Tổng thu từ đất khoảng 443.562.753.750 đồng, gồm thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn (141.703.322.000 đồng), thu từ việc cho thuê đất (2.239.431.750 đồng) và chuyển mục đích sử dụng đất (299.620.000.000 đồng).

- Tổng chi từ đất khoảng 416.133.800.000 đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng,... của tất cả các dự án thực hiện trên địa bàn huyện, bao gồm cả dự án của Trung ương, của tỉnh, của huyện và các dự án của các tổ chức khác trên địa bàn.

- Cân đối thu - chi các khoản có liên quan đến đất là 27.428.953.750 đồng.

Như vậy, ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện theo năm kế hoạch sử dụng đất 2022 là khoảng 27.428.953.750 đồng.

**Biểu 19: Ước tính thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2022**

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng các nguồn thu</b>	<b>2.751,50</b>		<b>443.562.753.750</b>	
<b>1</b>	<b>Giao đất ở</b>	<b>18,67</b>		<b>141.703.322.000</b>	
1.1	Giao đất, đấu giá đất tại thị trấn Ia Ly	1,3	300.000	3.803.322.000	
1.2	Giao đất, đấu giá đất tại thị trấn Phú Hòa	5,0	1.500.000	75.000.000.000	
1.3	Giao đất, đấu giá đất tại xã Nghĩa Hưng	8,0	700.000	56.000.000.000	
1.4	Giao đất, đấu giá đất tại xã Ia Ka	1,0	250.000	2.500.000.000	
1.5	Giao đất, đấu giá đất tại xã Nghĩa Hòa	0,5	250.000	1.250.000.000	
1.6	Giao đất, đấu giá đất tại xã Ia Mơ Nông	1,2	150.000	1.800.000.000	
1.7	Giao đất, đấu giá đất tại xã Chư Đàng Ya	1,0	100.000	1.000.000.000	
1.9	Giao đất, đấu giá đất tại xã Ia Kreng	0,7	50.000	350.000.000	
<b>2</b>	<b>Cho thuê đất</b>	<b>2.658,40</b>		<b>2.239.431.750</b>	
2.1	Cho thuê đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Cụm Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp	28,0	200.000	672.000.000	
2.2	Cho thuê đất TMDV tại Thị trấn Phú Hòa	5,0	300.000	180.000.000	
2.3	Cho thuê đất thương mại-dịch vụ tại xã Nghĩa hưng (Trụ sở xã cũ).	0,145	640.000	11.136.000	
2.4	Cho thuê đất sản xuất kinh doanh tại thị trấn Ia Ly	6,00	250.000	180.000.000	
2.5	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại xã Ia Khrol	7,45	9.000	5.028.750	
2.6	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại xã Nghĩa Hòa	1,54	15.000	1.732.500	



2.7	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Chư Đăng Ya	910,00	6.000	409.500.000	
2.8	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Hà Tây	1.339,00	6.000	602.550.000	
2.9	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại TT Phú Hòa	1,41	6.000	634.500	
2.10	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Ia Khuol	128,00	6.000	57.600.000	
2.11	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Ia Phí	9,00	6.000	4.050.000	
2.12	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Đăk Tô Ver	248,00	6.000	111.600.000	
2.13	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Ia Ka	8,00	6.000	3.600.000	
<b>3</b>	<b>Các nguồn thu khác</b>	<b>74,43</b>		<b>299.620.000.000</b>	
3.1	Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	35,83	400.000	143.320.000.000	
3.2	Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị	1,90	500.000	9.500.000.000	
3.3	Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thương mại-dịch vụ, sản xuất kinh doanh	36,70	400.000	146.800.000.000	
<b>B</b>	<b>Tổng các nguồn chi</b>	<b>1.671,53</b>		<b>416.133.800.000</b>	
1	Đền bù đất trồng lúa	12,04	59.000	7.103.600.000	
2	Đền bù đất trồng cây hàng năm	787,57	18.000	141.762.600.000	
3	Đền bù đất trồng cây lâu năm	870,65	30.000	261.195.600.000	
4	Đền bù đất ở nông thôn	0,27	400.000	1.072.000.000	
5	Đền bù đất ở đô thị	1,00	500.000	5.000.000.000	
<b>Cân đối thu/chi</b>				<b>27.428.953.750</b>	



## PHẦN IV

### GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

##### 1. Thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường

- Phổ biến Luật Bảo vệ Môi trường đến các doanh nghiệp, nhân dân.
- Đối với các dự án đầu tư mới cần thực hiện đánh giá tác động môi trường ngay trong giai đoạn đầu lập thủ tục dự án.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về xử lý ô nhiễm đối với các cơ sở sản xuất, nhất là ở cụm công nghiệp tập trung. Từng bước di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư về các khu tập trung và đình chỉ các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.
- Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp thay thế công nghệ lạc hậu bằng các công nghệ tiên tiến và vận hành hệ thống xử lý chất thải.

##### 2. Quản lý và bảo vệ môi trường

- Tăng cường các cán bộ đủ trình độ và am hiểu các vấn đề về môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề môi trường.
- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng và đủ các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới.

#### II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2022

##### 1. Các giải pháp về tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Nâng cao vai trò, trình độ quản lý Nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời tăng cường ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin trong việc quản lý và cập nhật chính lý các biến động về kế hoạch sử dụng đất.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, đảm bảo được tính minh bạch của kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết, để cùng tham gia thực hiện.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với những trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.
- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

##### 2. Trách nhiệm UBND huyện Chư Păh trong việc quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất



Để công tác tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất của địa phương đi vào nề nếp và có chiều sâu, Ủy ban nhân dân huyện cần phải:

- Chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát danh mục các công trình dự án của năm kế hoạch 2022 để tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết và xem xét thực hiện việc khảo sát đo đạc, cắm mốc và đền bù thu hồi đất theo từng dự án, công trình, nhằm khắc phục tình trạng triển khai chậm do ách tắc bởi công tác bồi hoàn.

- UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các ban ngành có liên quan rà soát danh mục các công trình, phân loại cụ thể từng mục đích sử dụng đất, xác định cụ thể đối tượng đầu tư nhằm chủ động trong việc mời gọi vốn đầu tư.

- Các ban ngành, UBND các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện ngân sách cho các hạng mục công trình đầu tư theo đúng tiến độ trong kỳ kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường quản lý việc thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn huyện, thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các ngành tổ chức công khai kế hoạch, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện tích đất trồng lúa, đất quốc phòng, đất an ninh,...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.



# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh là cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh thể hiện định hướng sử dụng đất trên địa bàn huyện, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, đồng thời là công cụ quan trọng để cho UBND huyện Chư Păh thực hiện việc quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật.

“Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh”.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2020 - 2025) và kế thừa kết quả quy hoạch, dự án phát triển của các ngành được xử lý cụ thể chi tiết trên thực địa và bản đồ các cấp hành chính trên địa bàn huyện Chư Păh để bố trí mặt bằng cụ thể cho các nhu cầu sử dụng đất nên tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất tương đồng với các dự án đầu tư sử dụng đất.

## II. KIẾN NGHỊ

- Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện và thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện” (khoản 3 Điều 45) nhằm nâng cao trách nhiệm trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai.

- Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai xem xét, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai địa phương.



## **CÁC BẢNG BIỂU Ở PHẦN PHỤ LỤC**

Biểu 01/KH: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Chư Păh;

Biểu 02/KH: Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 của huyện Chư Păh;

Biểu 06/KH: Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh;

Biểu 07/KH: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh;

Biểu 08/KH: Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 của huyện Chư Păh;

Biểu 09/KH: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022 của huyện Chư Păh;

Biểu 10/KH: Danh mục công trình năm 2022 của huyện Chư Păh;

Biểu 13/KH: Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Chư Păh